

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Tâm

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ**

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Tâm

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Tâm

Mã SV: 1354010262

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Mô tả, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú năm 2012.

- Kiến nghị, phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú .trong 3 năm gần đây.

- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú .

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;

- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Đặng Thị Tâm** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại theo quy định hiện hành.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2012). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.	12
1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.	12
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.1.1.1. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	13
1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	14
1.1.3.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.	14
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	15
1.1.3.3. Chi phí và phân loại chi phí.	16
1.1.3.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	18
1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	18
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	19
1.1.5.1. Bán hàng.	19
1.1.5.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	20
1.1.6. Các phương thức thanh toán.	21
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DOANH NGHIỆP.	22
1.2.3. Kế toán doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	22
1.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	22

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	30
1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán.....	34
1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	42
1.2.5.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	42
1.2.5.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	44
1.2.6. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính	46
1.2.6.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	46
1.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	48
1.2.7. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	51
1.2.7.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	51
1.2.7.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	53
1.2.7.3. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	55
1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	55
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	59
1.3.1. Hình thức Nhật kí – Sổ cái.....	59
1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ.....	60
1.3.3. Nhật ký chứng từ.....	61
1.3.4. Kế toán máy	62
1.3.5. Nhật ký chung	63
Chương II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ	64
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ.	64
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.	64
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.....	65
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi Nhánh công ty TNHH Thương mại Cửu Phú.....	66

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.....	69
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	69
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	70
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức áp dụng tại đơn vị.....	71
2.1.5.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	73
2.2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ.....	73
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.....	73
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty.....	73
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.....	74
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	86
2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.....	86
2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	87
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.....	95
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp.....	95
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	102
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	109
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	109
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	109
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	109
2.2.5.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	117
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ.....	126

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.	126
3.1.1. Về ưu điểm.....	126
3.1.2. Hạn chế.....	128
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.....	129
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	129
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	130
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.....	131
Kết luận.....	148

CHƯƠNG 1

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.**

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp. Do đó các doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải biết khai thác, phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần nắm bắt thông tin số liệu chính xác từ bộ phận kế toán giúp các nhà quản trị có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai khai tài chính thu hút nhà đầu tư.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy việc xác định đúng kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp cho các kỳ tiếp theo.

+ Số liệu kế toán càng chính xác, chi tiết, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Việc xác định tính trung thực hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư.

=> Do đó hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.1. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Vì vậy mà việc tập hợp chi phí, doanh thu xác định các chỉ tiêu lãi lỗ để phản ánh đúng đắn tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là rất cần thiết. Xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để Ban giám đốc doanh nghiệp có sự phân tích, đánh giá đúng về tình hình kinh doanh từ đó khắc phục những tồn tại, phát huy những ưu điểm và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý và hiệu quả, là cơ sở để tìm các nguồn tạo ra doanh thu và cắt giảm chi phí không hiệu quả nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó thông qua việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra những báo cáo kế toán, cung cấp thông tin cho những nhà đầu tư giúp họ quyết định việc có nên hay không nên đầu tư vào doanh nghiệp, lựa chọn doanh nghiệp nào để đầu tư có lợi nhất.

Đối với Nhà nước thì xác định đúng chỉ tiêu lợi nhuận là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các khoản nộp nghĩa vụ cho Nhà nước như: Thuế, phí, lệ phí... Đây là nguồn thu quan trọng của Ngân sách nhà nước để thực hiện các khoản chi Ngân sách.

Tất cả những điều trên đã làm cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.

❖ Doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001- Chuẩn mực số 14(doanh thu và thu nhập khác): Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ 3 (Ví dụ nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp thì không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 có hiệu lực từ ngày 03/06/2008: doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng. Doanh thu được tính ra bằng đồng Việt Nam, trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ.

=> Như vậy doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm tổng các lợi ích về kinh tế đã thu hoặc sẽ được thu từ các hoạt động của doanh nghiệp được tính bằng tiền Việt Nam.

❖ **Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:**

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(Nếu có).

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính :** Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

- ✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết của doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- ✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp bên bán giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán

bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

✓ **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã..

- Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3.3. Chi phí và phân loại chi phí.

❖ **Chi phí:** Là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

❖ Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

▪ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu phục vụ bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho công tác bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế, phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...


- **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế TNDN là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.


1.1.3.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

 **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

 **Lãi sau thuế:** là phần còn lại sau khi trừ loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lãi sau thuế = thu nhập chịu thuế - thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: Số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị....

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ cho công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa

dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đúng hạn và đầy đủ.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.5.1. Bán hàng.

Bán hàng theo VSA 14 bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

Bản chất của quá trình bán hàng:

Quá trình bán hàng là quá trình hoạt động kinh tế bao gồm 2 mặt: Doanh nghiệp đem bán hàng hóa đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền người mua. Hàng hóa cung cấp nhằm để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của xã hội gọi là bán ra ngoài. Trường hợp hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty được gọi là bán hàng trong nội bộ.

Quá trình bán hàng thực chất là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người bán và người mua trên thị trường hoạt động.

Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh:

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp quyết định có nên tiêu thụ hàng hóa đó nữa không. Như vậy bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bán hàng là phương thức trực tiếp để đạt được kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh là kết quả đạt được khi thực hiện hoạt động bán hàng.

Ý nghĩa của công tác bán hàng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo ra điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống của người lao động trong doanh nghiệp.

1.1.5.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ *Bán buôn:* Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa vẫn chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ *Bán lẻ:* Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng gửi cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu

thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất cố định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.1.6. Các phương thức thanh toán.

Thực hiện nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, vốn của doanh nghiệp chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Doanh nghiệp mất quyền sở hữu về hàng hóa nhưng ngược lại được quyền sở hữu một lượng tiền tệ nhất định do bên mua chi trả. Việc thanh toán tiền hàng có thể tiến hành ngay hoặc trả chậm hoặc trả dần do hai bên tự thỏa thuận. Phương thức thanh toán thể hiện sự tín nhiệm lẫn nhau giữa hai bên mua và bán, đồng thời nó cũng gắn liền với sự vận động giữa hàng hóa với số tiền vốn, đảm bảo hai bên cùng có lợi.

Hiện nay doanh nghiệp thường áp dụng hai phương thức thanh toán : thanh toán trực tiếp và thanh toán không trực tiếp.

Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:

Đây là hình thức thanh toán mà người mua sau khi nhận được hàng hóa do bên cung cấp thì tiến hành thanh toán bằng tiền mặt thường áp dụng với hàng hóa tiêu thụ trong nước, các bên có khoảng cách địa lý gần nhau. Đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ các khoản chi về vận chuyển ... thường được thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Phương thức thanh toán qua ngân hàng:

Trong điều kiện nền kinh tế như hiện nay thì ngân hàng giữ vai trò quan trọng trong quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán, phương thức thanh toán qua ngân hàng cũng rất phong phú, việc lựa chọn phương thức nào là phụ thuộc vào điều kiện của mỗi bên và sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán. Các phương thức thanh toán qua ngân hàng gồm:

- Thanh toán bằng séc
- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi
- Thanh toán bằng ủy nhiệm thu
- Thanh toán bằng thư tín dụng(L/C)
- Thanh toán bằng thẻ thanh toán
- Phương thức thanh toán bù trừ.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DOANH NGHIỆP.

1.2.3. Kế toán doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

✓ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

Các hàng hóa đem biếu tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Hiểu theo một nghĩa khác thì doanh thu bán hàng của doanh nghiệp là bao gồm toàn bộ số tiền đã thu được hoặc có quyền đòi về do việc bán hàng hóa trong một thời gian nhất định.

✓ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

✓ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước, được nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền đã nhận được chia cho số kỳ nhận tiền trước.

✓ **Kê toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác

 **Tài khoản sử dụng:**

❖ **TK511-“ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

✓ Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản cấp 2:

- *TK5111- Doanh thu bán hàng hóa.*
- *TK5112- Doanh thu bán các thành phẩm*
- *TK5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *TK 5114- Doanh tu trợ cấp, trợ giá*
- *TK5117- Doanh thu bất động sản đầu tư*
- *TK5118- Doanh thu khác*
- Kết cấu của TK511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại cuối kỳ.

- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK511 không có số dư cuối kỳ.

TK512 Doanh thu bán hàng nội bộ

- ✓ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK5121: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK5122: Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ Kết cấu TK512

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán đã được chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
 - Số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
 - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
 - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK911 “ xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

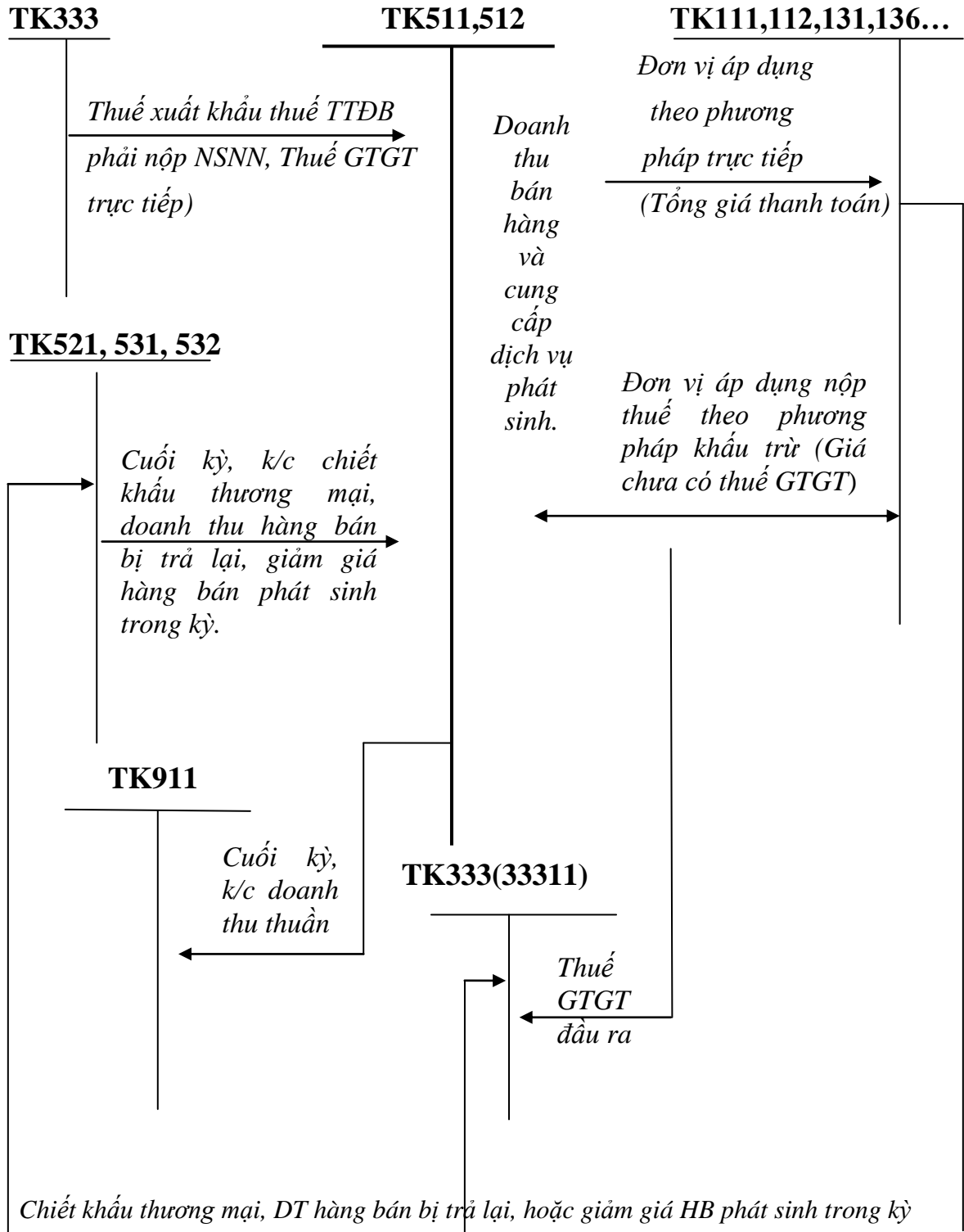
- Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK512 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

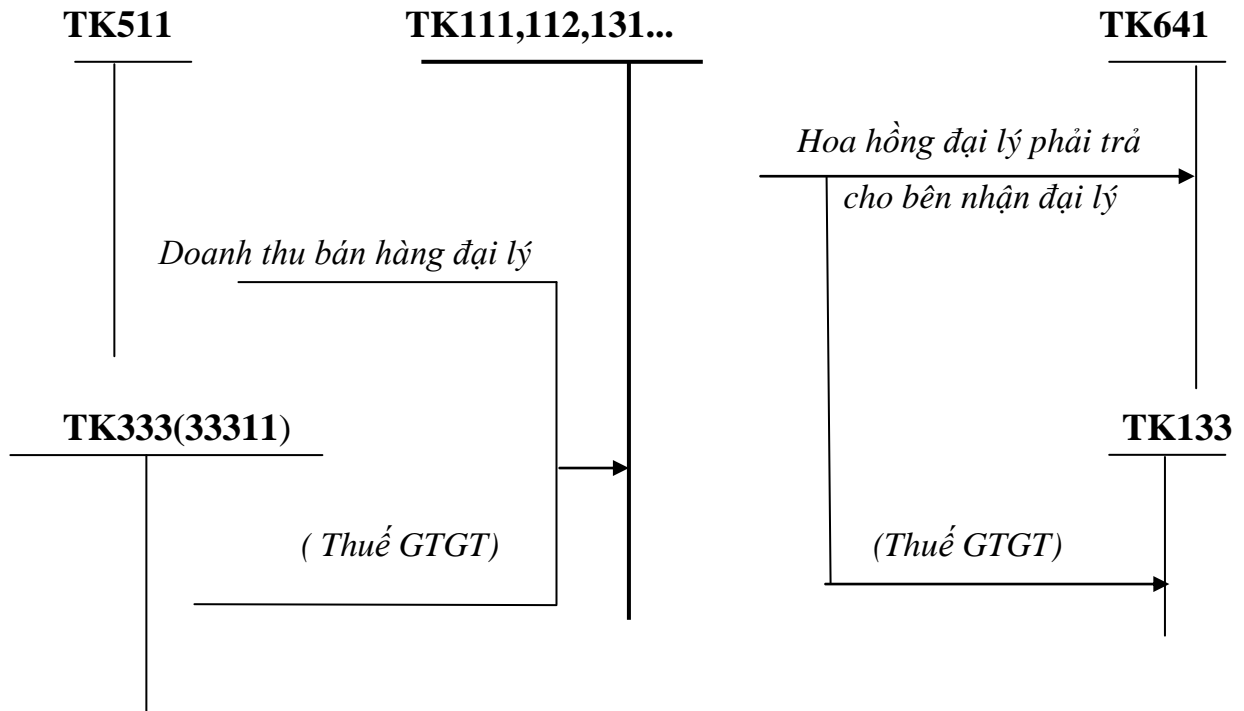
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

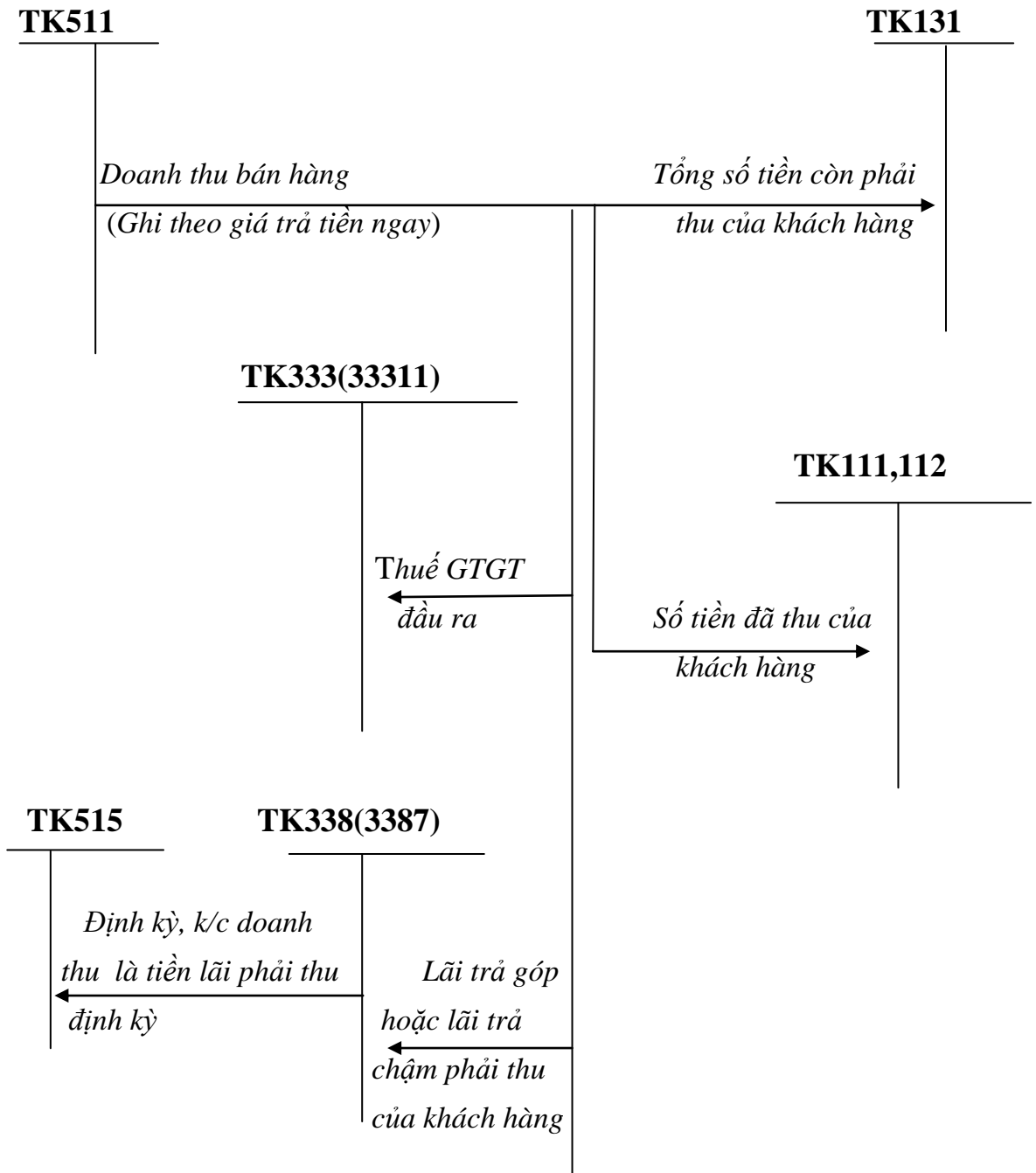


KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



1.2.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua bán, bán hàng.

- Tài khoản 521- chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK5211: Chiết khấu hàng hóa
 - TK5212: Chiết khấu thành phẩm
 - TK5213: Chiết khấu dịch vụ
- ✓ Kết cấu của TK521:

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK521 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng bị khách hàng mang trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách...) được doanh nghiệp chấp nhận.

Trị giá hàng thuần của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ kế toán.

Tài khoản này phản ánh giá trị của số hàng bán bị trả lại (tính theo đúng giá trị ghi trên hóa đơn). Các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK641- Chi phí bán hàng.

✓ Kết cấu TK531

Bên có:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

Bên nợ:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK531 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK532-Giảm giá hàng bán:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán hàng chấp nhận trên thỏa thuận.

✓ Kết cấu TK532

Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512.

TK532 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn các khoản giảm trừ doanh thu như:

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

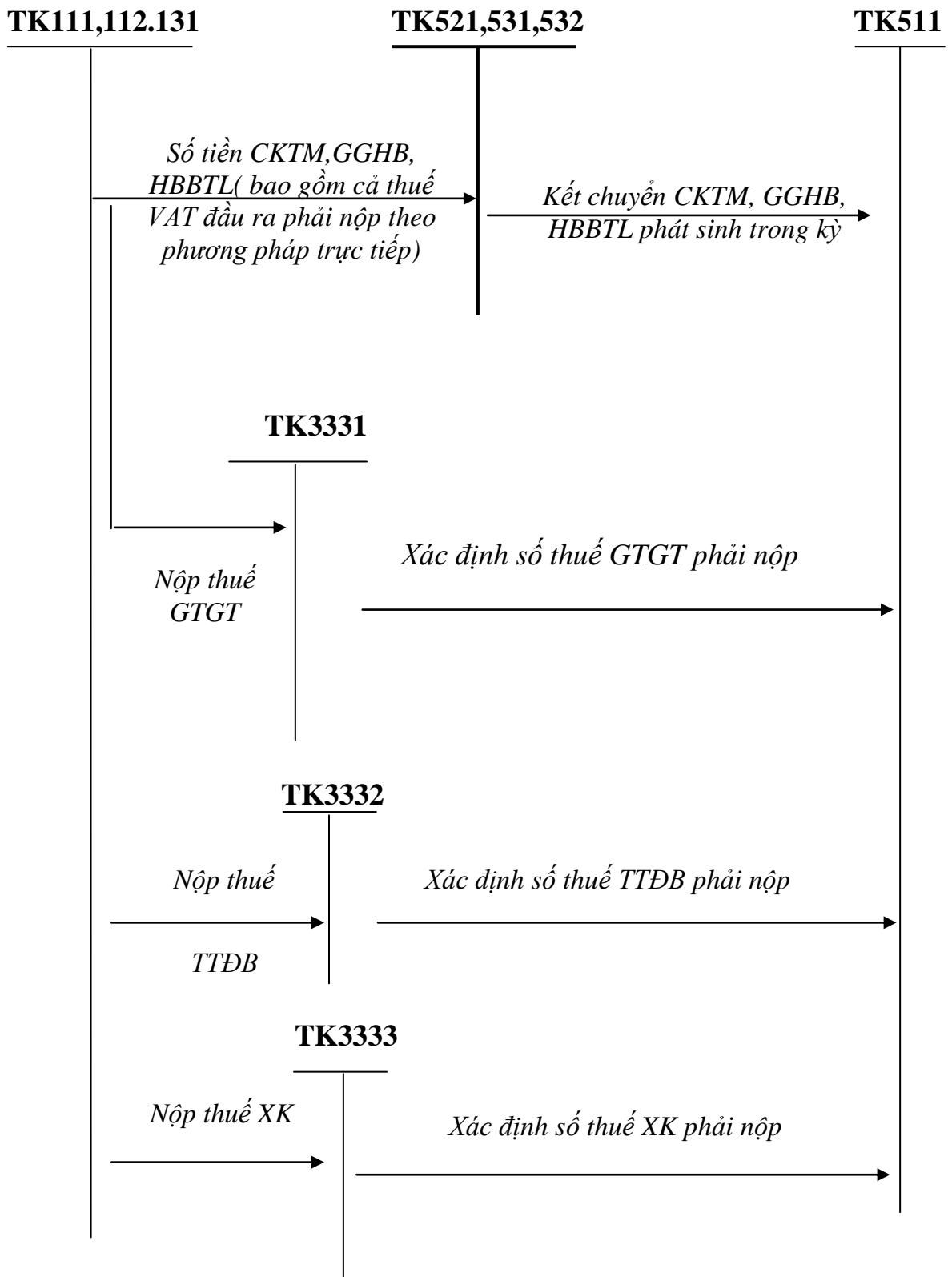
- **Thuế xuất khẩu:** Là một sắc thuế đánh vào những hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hay bán vào các khu chế xuất.

- **Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Là thuế tính trên giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Phương pháp hạch toán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

Để xác định đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết phải xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (bao gồm cả chi phí bán hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng bán xuất kho để bán, bao gồm trị giá mua thực tế và chi phí của số hàng đã xuất kho.

✓ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế do giá cả của hàng hóa mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Cụ thể đối với từng phương pháp như sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn} \\ \text{giá} \\ \text{xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của HH} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của HH nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)

$$\begin{array}{l} \text{Đơn} \\ \text{giá} \\ \text{xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất nhập ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO):*

Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng được mua trước thì được xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào, nhập kho.

Ưu điểm: giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập kho theo từng lần. Trị giá hàng hóa xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có biến động tăng lên về giá.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này giả định những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ được tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng.

Ưu điểm: trị giá hàng hóa xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hóa.

Nhược điểm: trị giá hàng hóa tồn kho bị xác định kém chính xác đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động giảm về giá.

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

Ưu điểm: Giá vốn được xác định đúng theo từng lô hàng.

Nhược điểm: áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hóa tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với doanh nghiệp thương mại, chi phí thu mua được theo dõi riêng và cuối kỳ phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phân bổ chi} \\ \text{phí thu mua} \\ \text{của hàng} \\ \text{tiêu thụ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn đầu kỳ và} \\ \text{nhập trong kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi} \\ \text{phí thu mua} \\ \text{của hàng} \\ \text{tồn kho đầu} \\ \text{kỳ và phát} \\ \text{sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn của} \\ \text{hàng tiêu thụ trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{tiêu thụ trong kỳ} \end{array}$$

✓ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ(Mẫu 03-VT)
- Và các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng**

TK632- Giá vốn hàng bán

✓ **Kết cấu nội dung tài khoản 632**

Bên có:

- **Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- + Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ.
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng tự chế TSCĐ vượt mức trên bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:
- + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ tính vào nguyên giá BĐS đầu tư trong kỳ.

Bên nợ:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

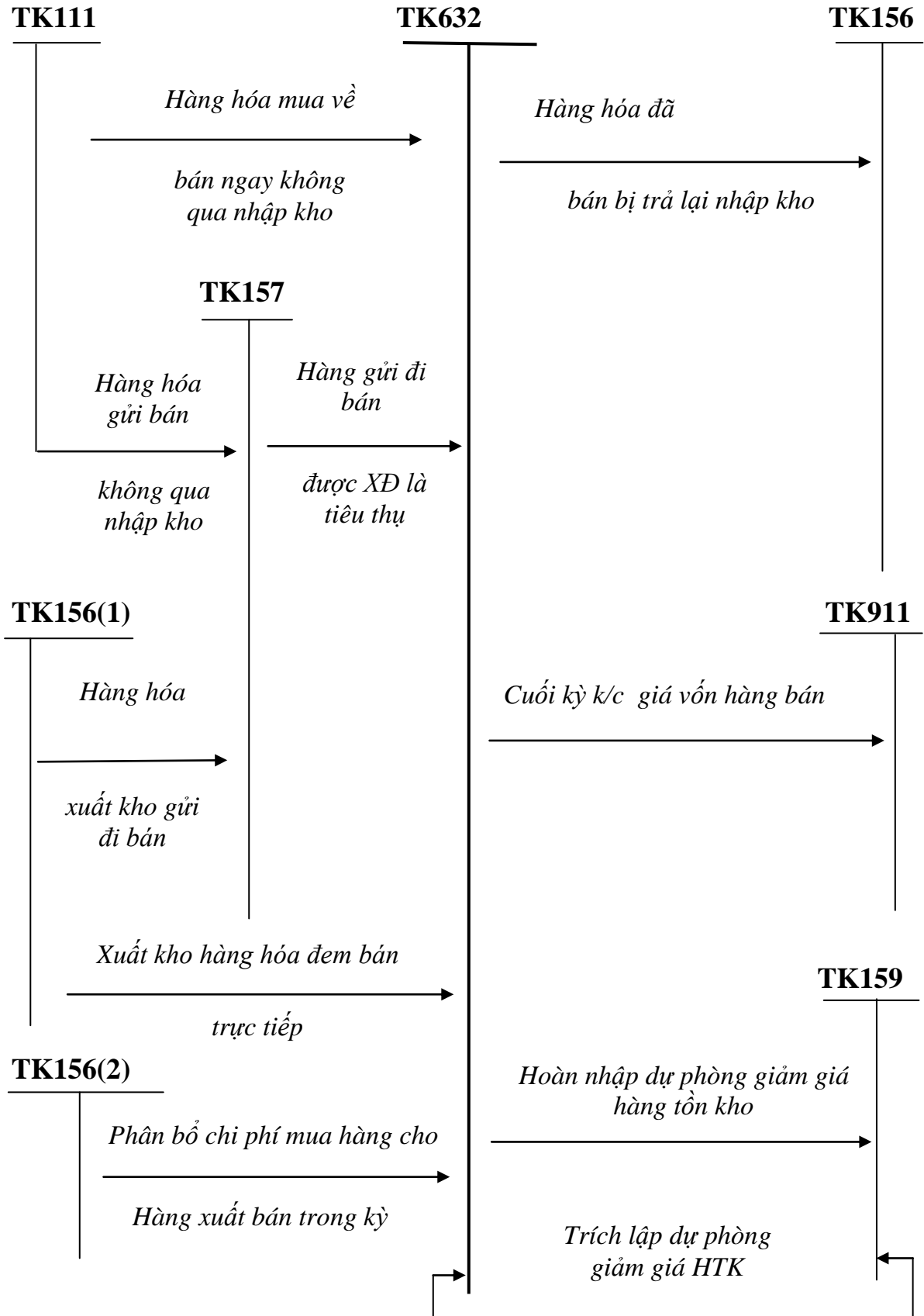
TK632 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Phương pháp hạch toán giá vốn:**

- Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư hàng tồn kho trên sổ sách kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên

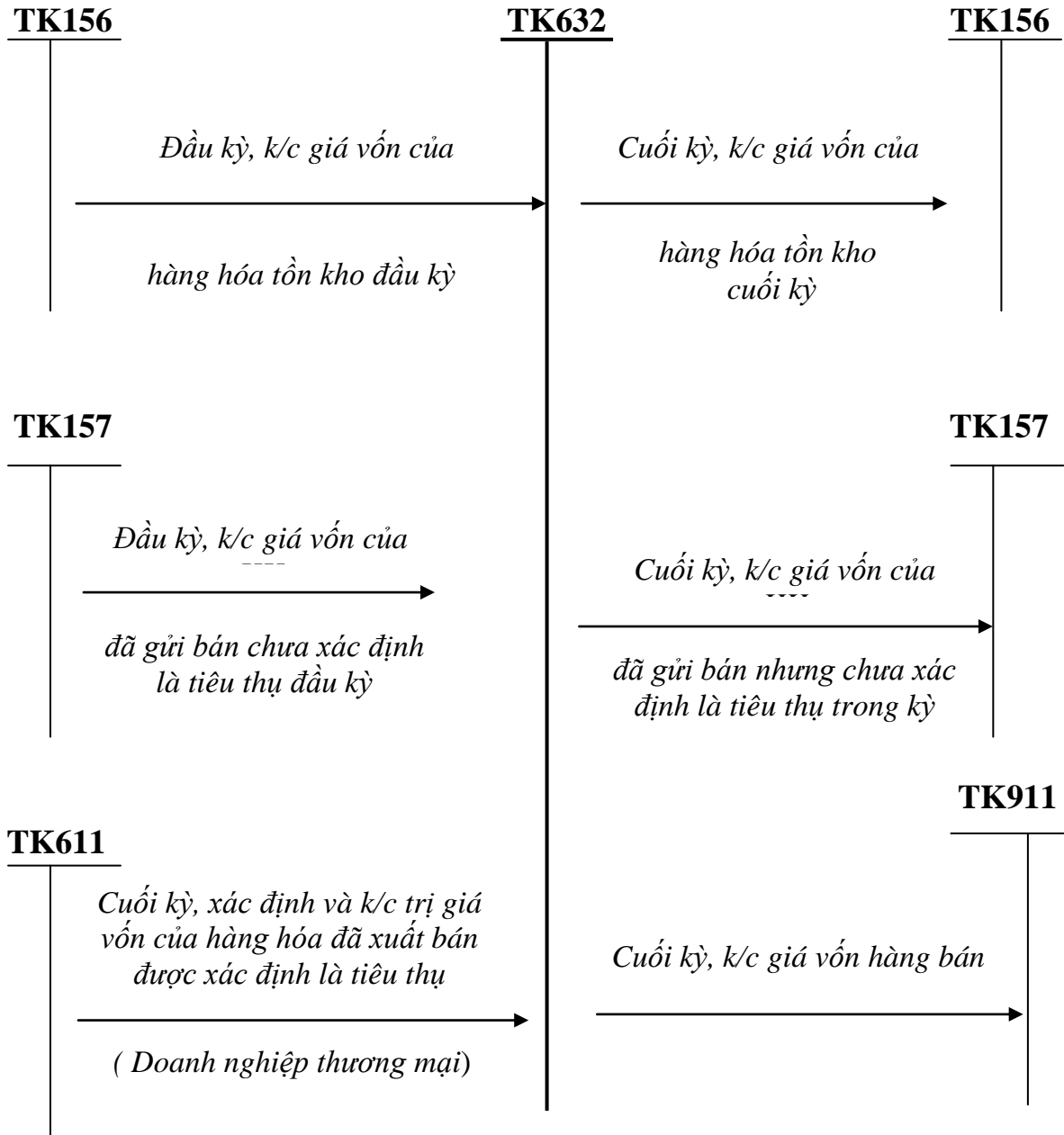


KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

• Phương pháp kiểm kê định kỳ: là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ, kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép các nghiệp vụ nhập vật liệu, còn giá trị vật liệu chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu còn cuối kỳ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là tất cả chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan tới hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm các nội dung sau: chi phí nhân viên, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

• Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội(Mẫu số 11- LĐTĐ)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07- VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTGT-3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 02- VT)
- Chứng từ kế toán liên quan

• Tài khoản kế toán sử dụng: TK641- chi phí bán hàng

- Các tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6411- Chi phí nhân viên
 - + Tài khoản 6412- Chi phí vật liệu bao bì
 - + Tài khoản 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - +Tài khoản 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + Tài khoản 6415- Chi phí bảo hành
 - + Tài khoản 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + tài khoản 6418- Chi phí bằng tiền khác

• Kết cấu tài khoản 641

Bên có: Tập hợp các chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ

Bên nợ: - Các khoản giảm chi phí bán hàng

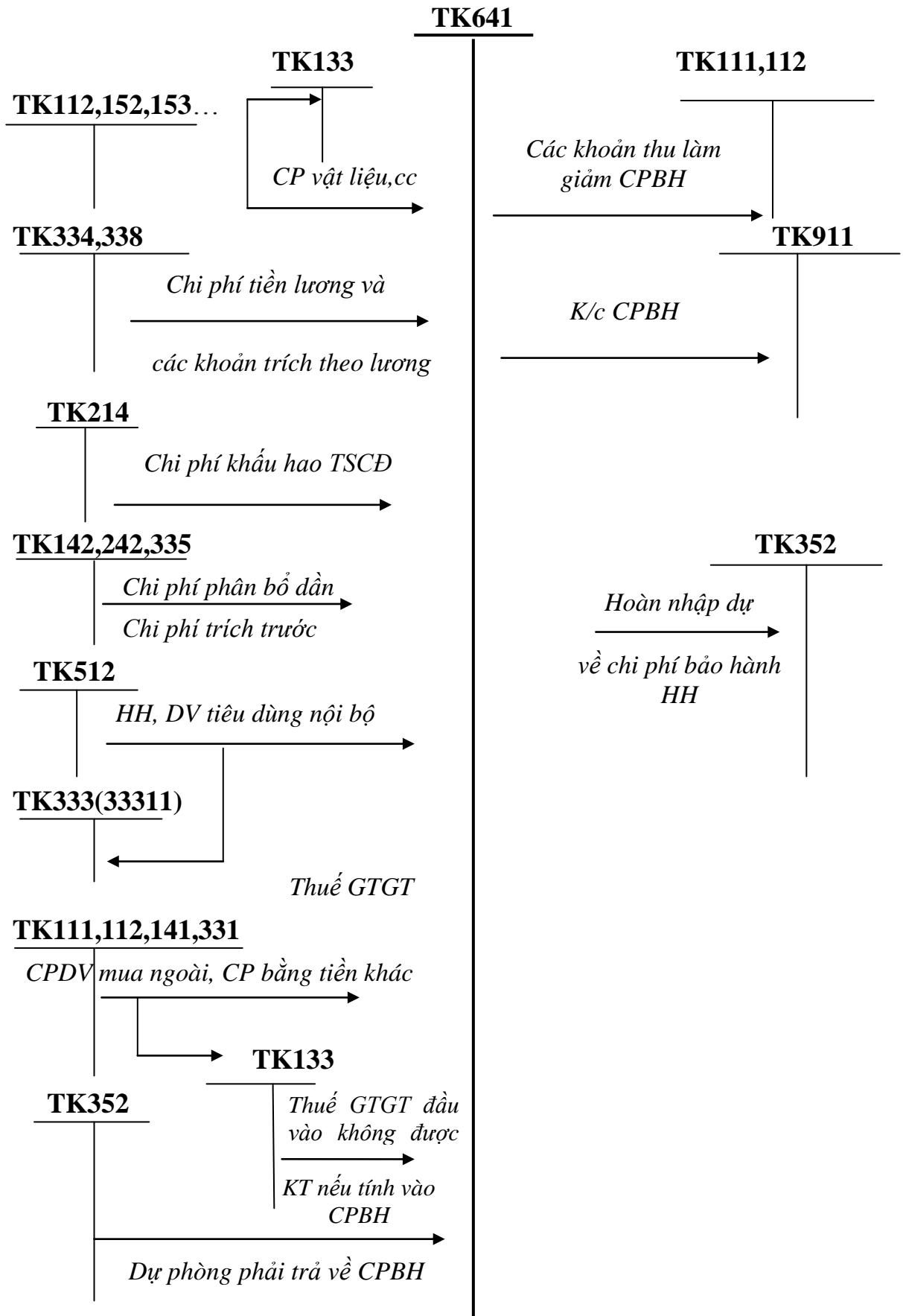
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng



1.2.5.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tất cả các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác.

- Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao (Mẫu số 06- TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07- VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02- VT)
- Chứng từ có liên quan

📁 Tài khoản sử dụng: TK 642- chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác

- Kết cấu tài khoản 642:

Bên nợ: Tập hợp chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

Bên có: - Các khoản làm giảm chi phí quản lý trong kỳ

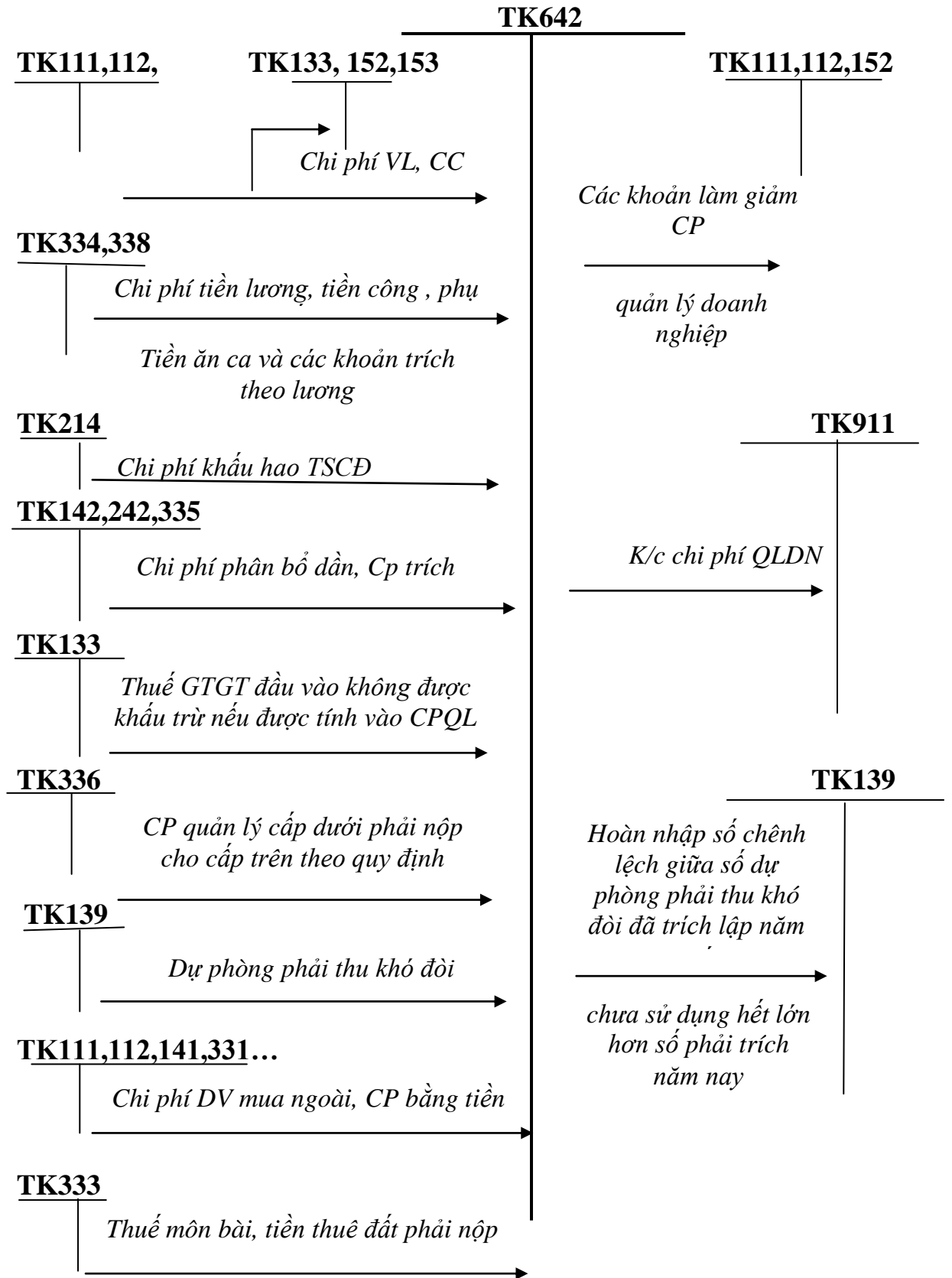
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.6. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính

1.2.6.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, cổ tức, lợi nhuận được chia,...

Chứng từ sử dụng:

- Giấy bảo lãi
- Giấy báo của ngân hàng
- Bản sao kê ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

✓ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

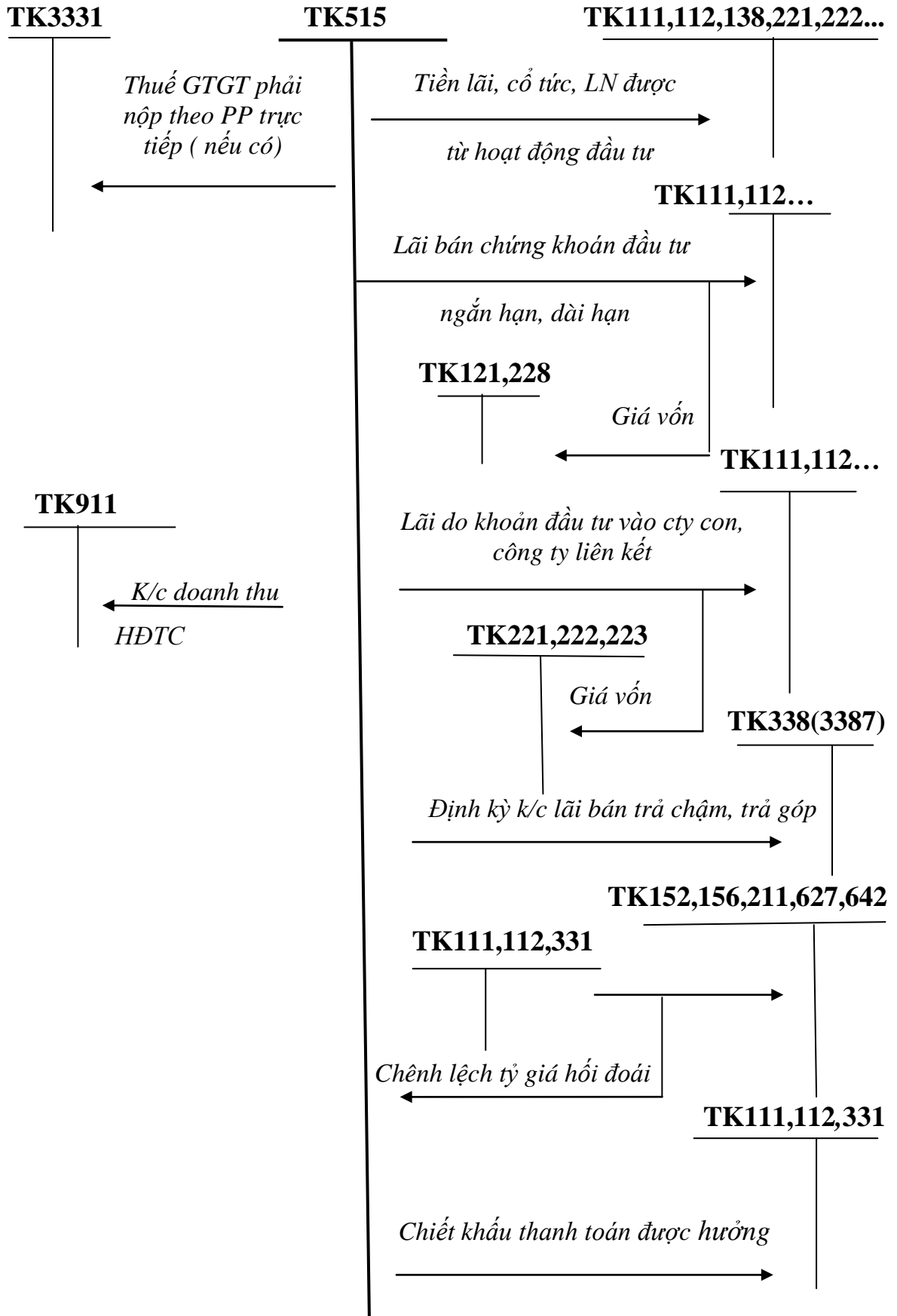
Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các nội dung sau: Chi trả tiền lãi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi từ mua hàng theo phương thức trả góp...



Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan



Tài khoản sử dụng:

- TK635: Chi phí tài chính
- Kết cấu của tài khoản 635

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá- giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

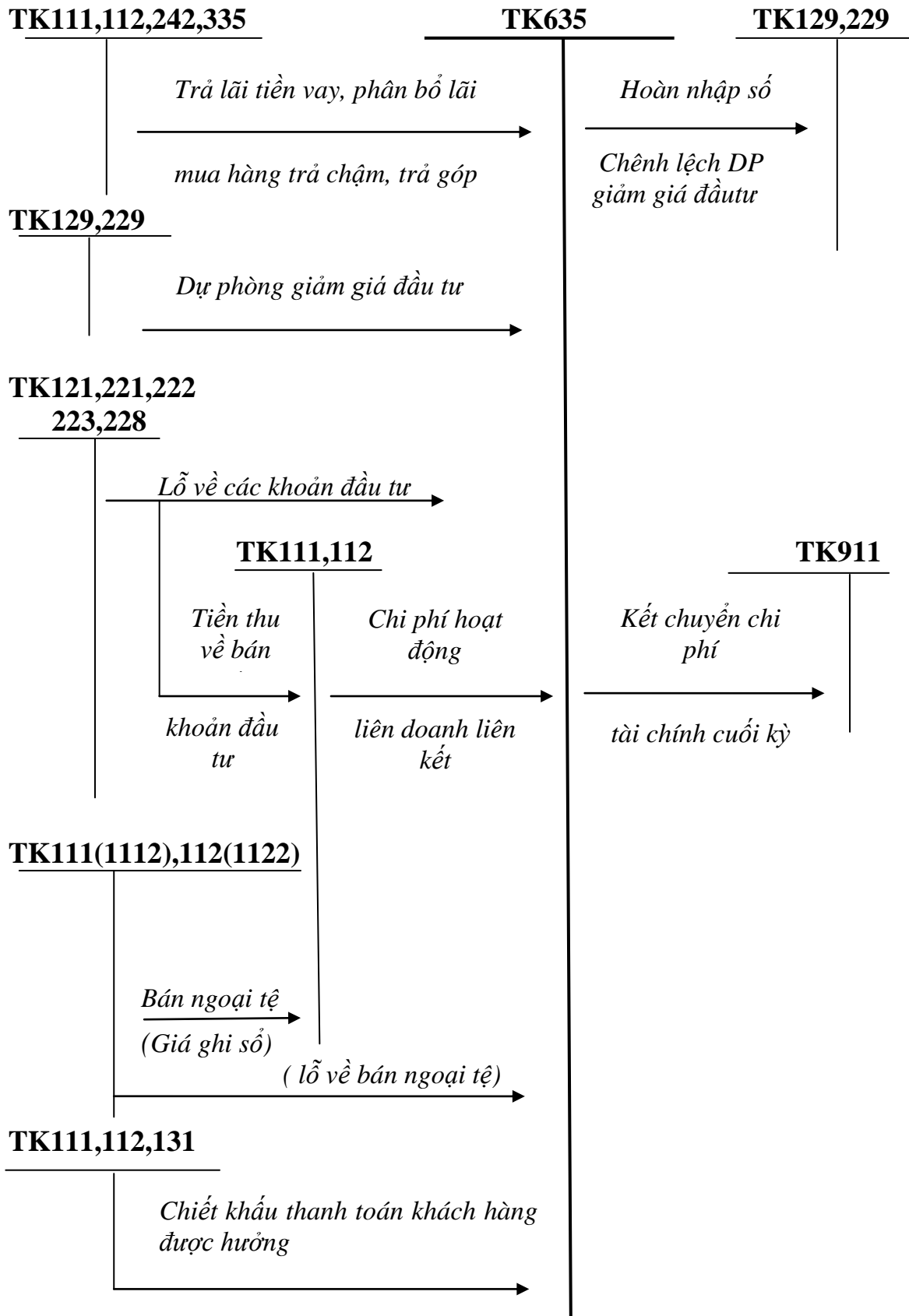
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.7. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

1.2.7.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động sau: thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ....

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế....

✚ Tài khoản sử dụng:

TK711- Thu nhập khác

- Kết cấu của TK 711:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911- Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

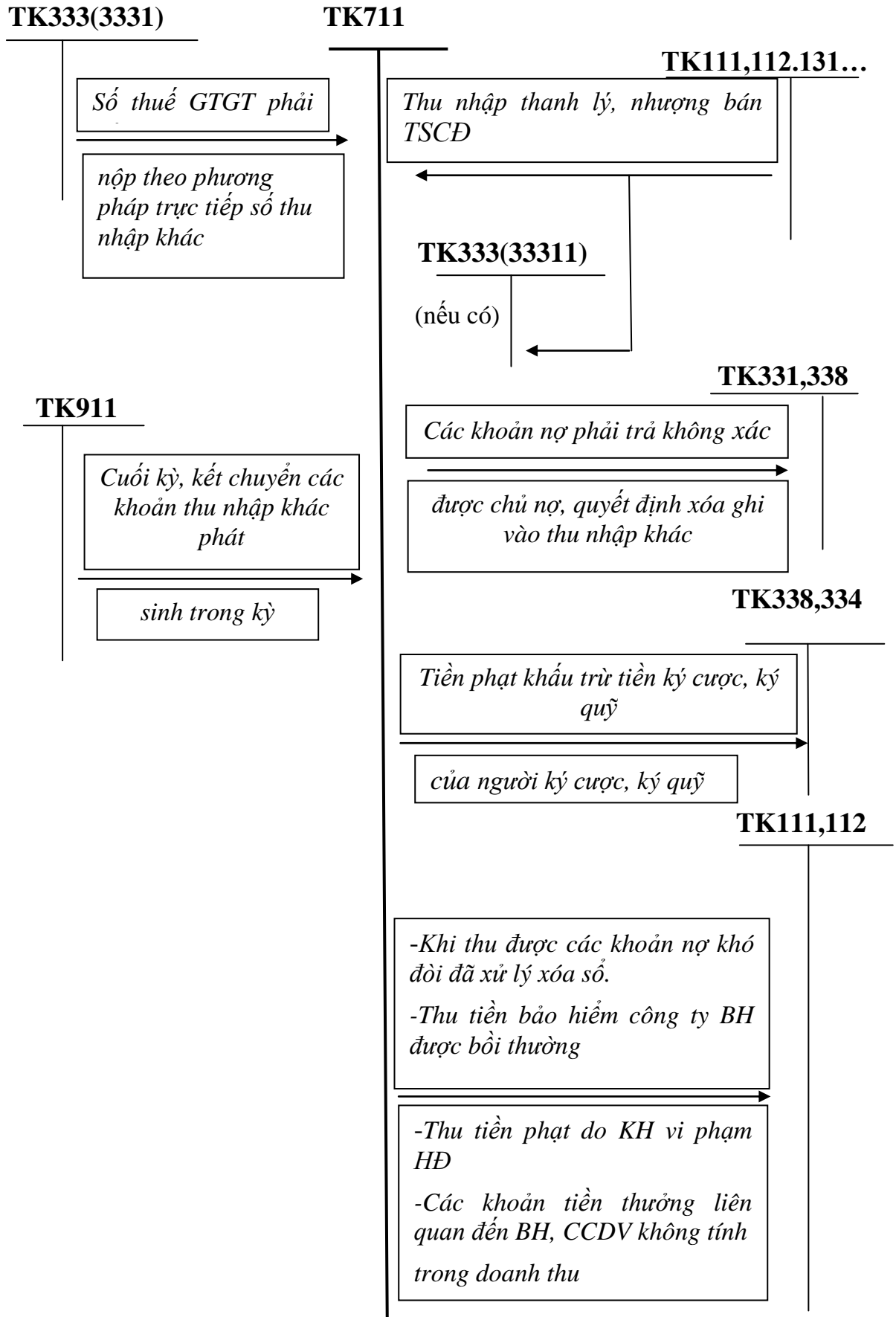
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.11: Kế toán thu nhập khác



1.2.7.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế....

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

✚ Tài khoản sử dụng:

Bên nợ:

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

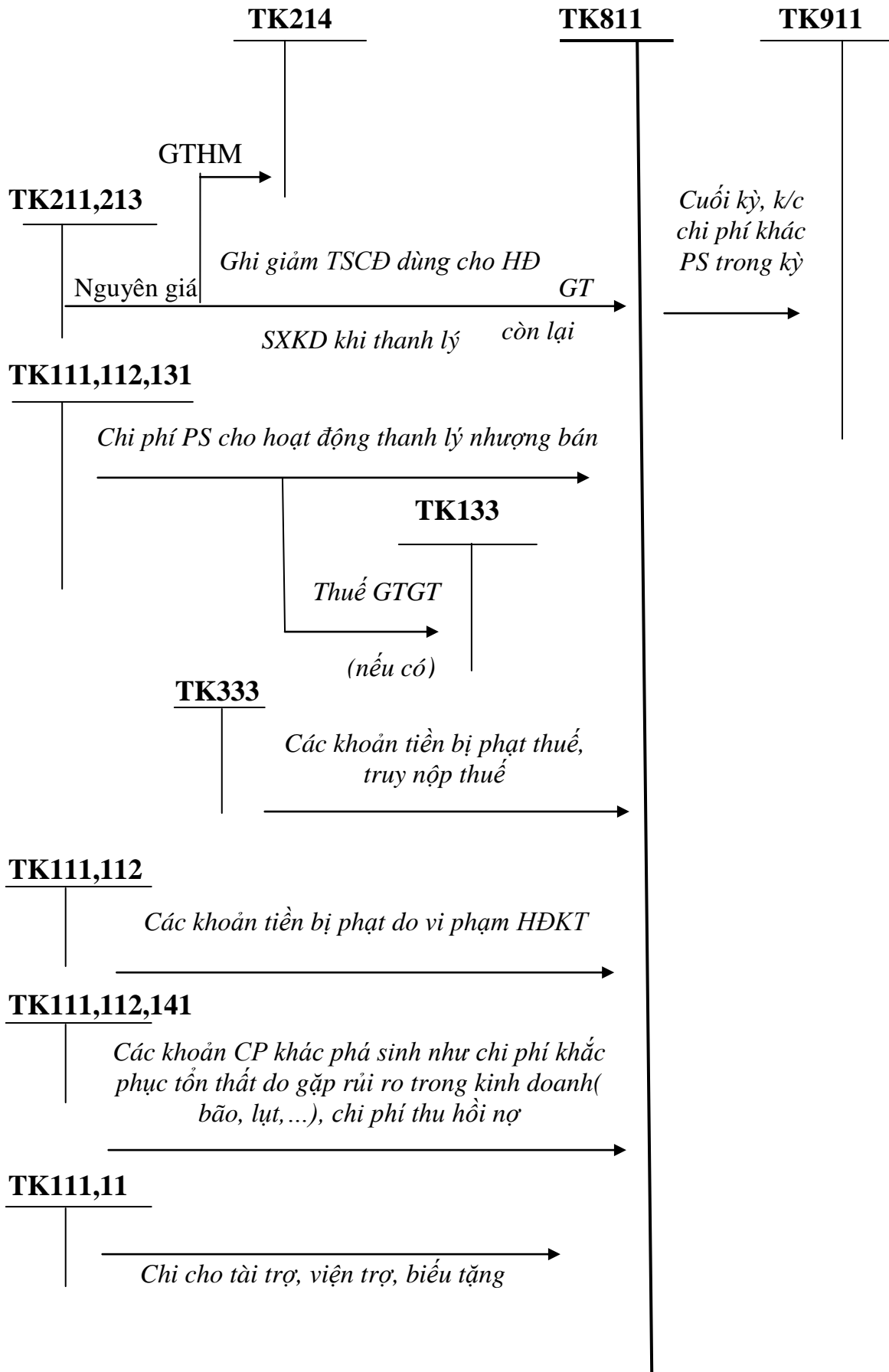
Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.2.7.3. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi,....
- Các chứng từ khác có liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng:

TK821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- TK8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

✚ Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

+Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{về bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá} \\ \text{vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ.} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động bán hàng} \\ \text{và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt} \\ \text{động} \\ \text{khác} \end{array}$$

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

➤ TK911- Xác định kết quả kinh doanh

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của tài khoản 911:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

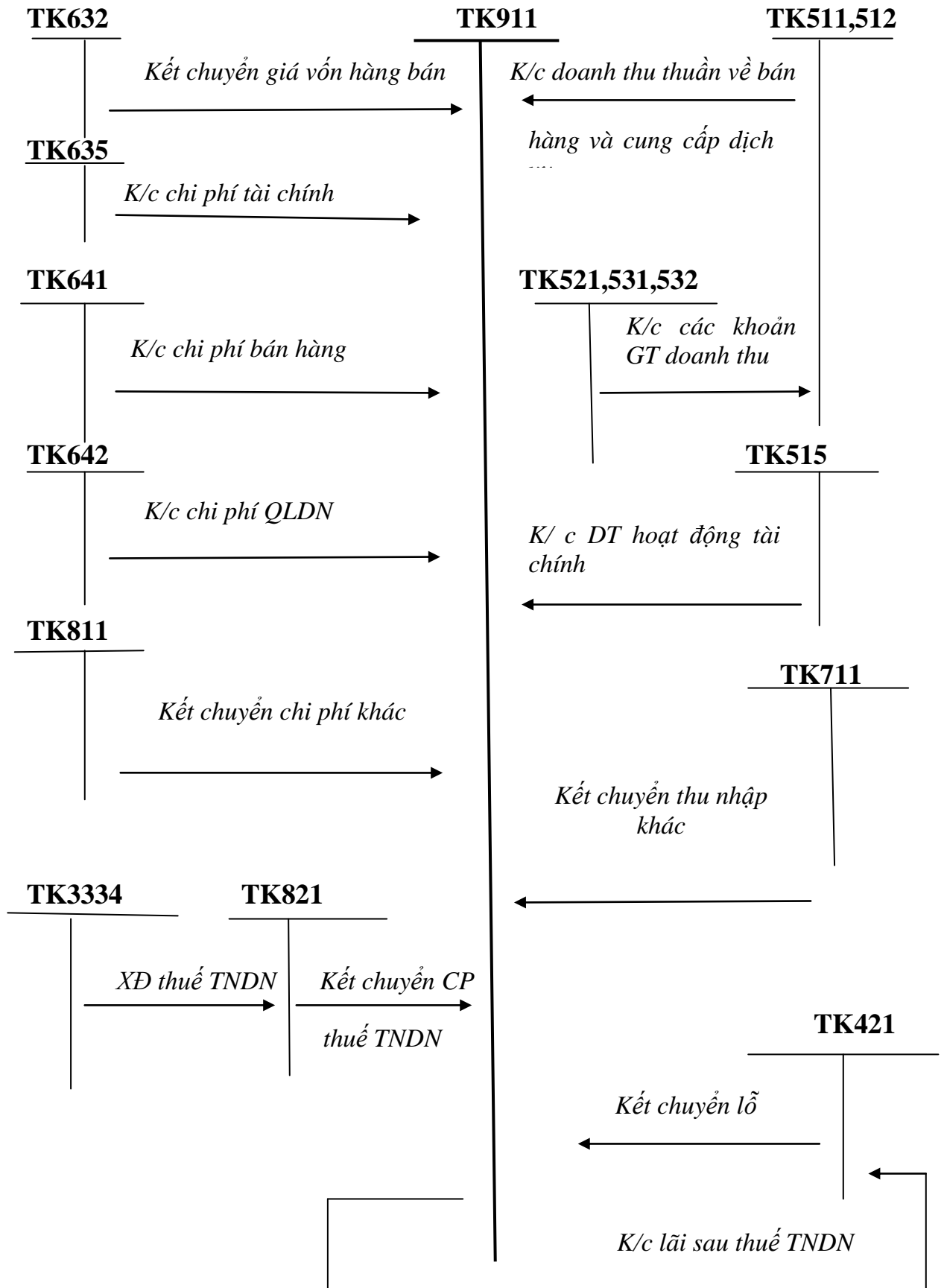
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



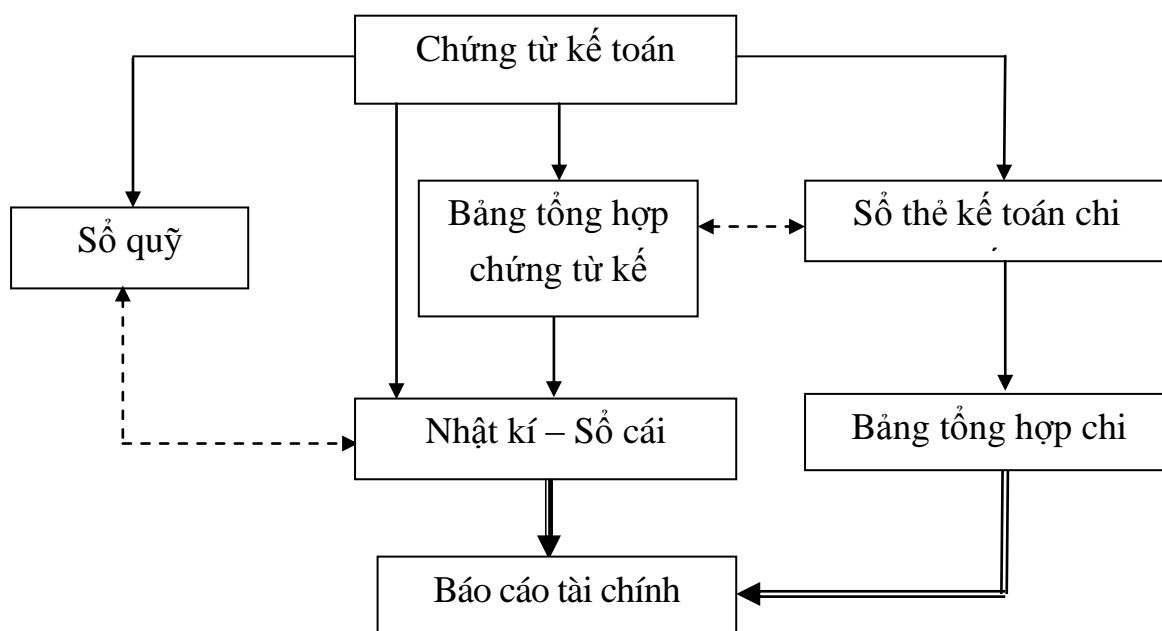
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Hình thức Nhật kí – Sổ cái.

*** Đặc điểm:**

- NK – SC là sổ kế toán tổng hợp duy nhất phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kế toán phát sinh theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế.
- Số liệu trên sổ NK – SC dùng để lập BCTC.

*** Quy trình luân chuyển chứng từ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

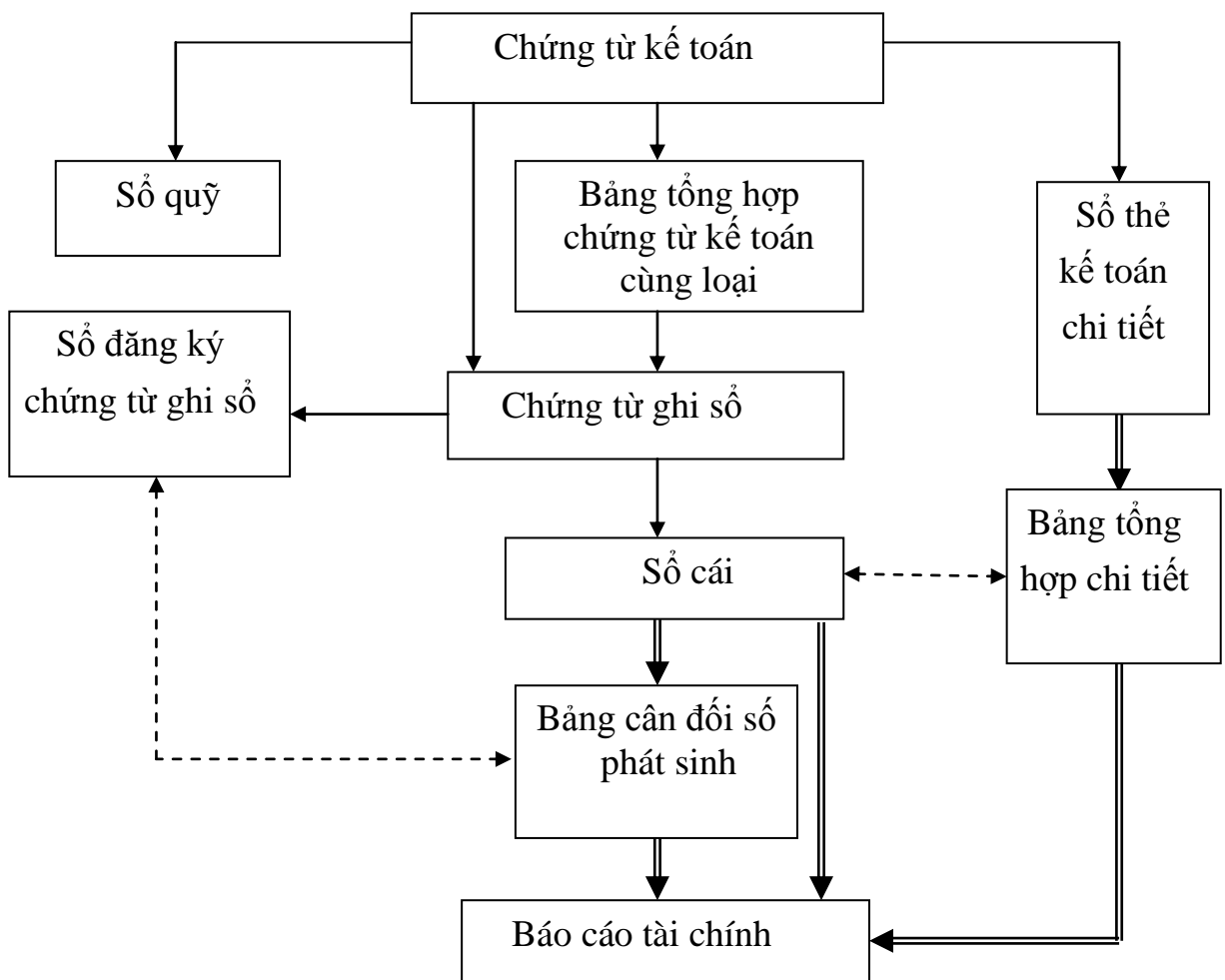
Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ.

*** Đặc điểm:**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là từ Chứng từ ghi sổ và việc này ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái. Chứng từ ghi sổ kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán gốc cùng loại và có chứng từ kế toán gốc đính kèm.

*** Trình tự luân chuyển chứng từ**



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

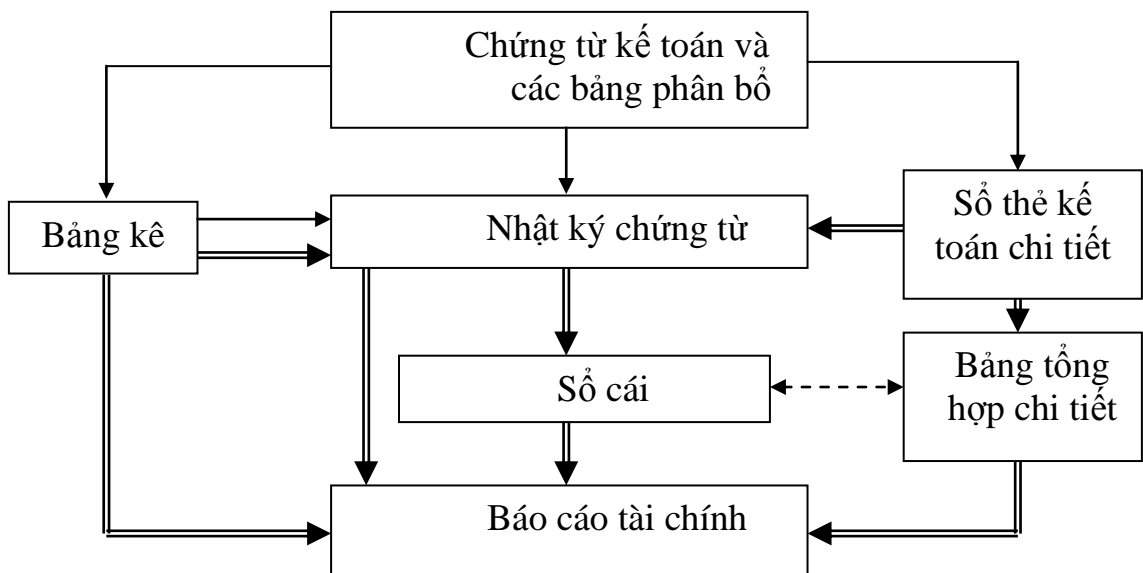
Đối chiếu, kiểm tra: <----->

1.3.3. Nhật ký chứng từ

* Đặc điểm:

Tập hợp hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của các TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo các TK đối ứng “Nợ”. Hình thức này kết hợp chặt chẽ ghi chép nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa theo nội dung kinh tế; kết hợp rộng rãi hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng 1 quyển sổ kế toán.

* Trình tự luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: = = = = =>

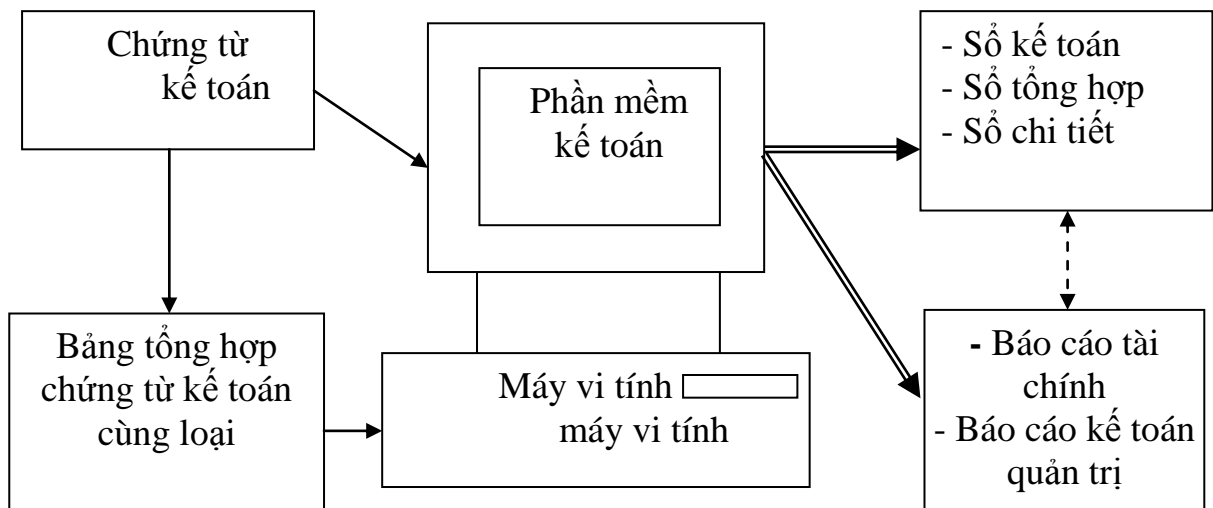
Đối chiếu so sánh: < - - - - - >

1.3.4. Kế toán máy

*** Đặc điểm:**

Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán, hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và BCTC theo quy định.

*** Trình tự luân chuyển chứng từ**



Ghi chú:

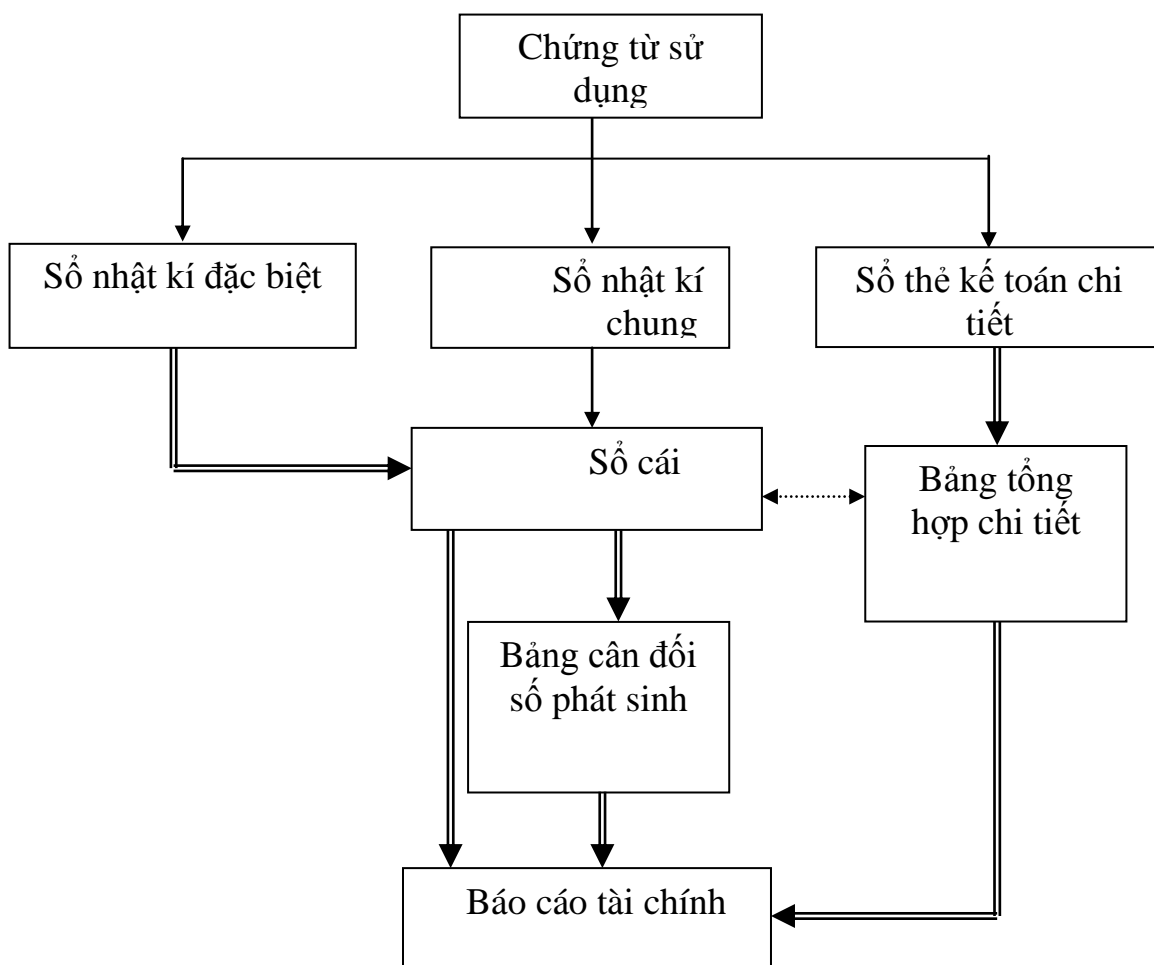
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⇄

1.3.5. Nhật ký chung

* Đặc điểm:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

* Trình tự luân chuyển chứng từ:



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi định kì: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

Chương II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ.

- Tên công ty (tiếng Việt): Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú
- Địa chỉ: Thị trấn Núi Đèo – Huyện Thủy Nguyên – Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200476984
- Điện thoại: 0313.574.589

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Chi nhánh công ty TNHH thương Mại Cửu Phú được thành lập và hoạt động theo luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/6/1999 (Luật số 13/1999/QĐ10)

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Pháp luật.

Trải qua hơn 8 năm hình thành và phát triển chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như khai thác tối đa tiềm năng sẵn có của công ty mình.

Trong các năm qua, Công ty đã thu hút được đông đảo các nhà đầu tư, giá trị thực hiện các hoạt động kinh doanh không ngừng tăng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã tạo lập được uy tín và vị thế của mình trên thương trường, là một địa chỉ tin cậy cho các nhà đầu tư khi có quyết định đầu tư.

Với tình hình sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng khá, Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú đang dần chứng tỏ sự vững mạnh trên con đường hội nhập và phát triển.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty

Chi nhánh Công ty TNHH thương mại Cửu Phú hoạt động với các mặt hàng kinh doanh sau:

- Các loại sắt thép hình chữ U, I, V, thép tấm, thép cuộn, thép góc, thép hộp, sắt hộp...
- Tôn mạ màu, xà gồ tạo hình I, Z...
- Vật liệu xây dựng như: Xi măng, gạch chỉ đỏ, gạch gò công, gạch men lát nền, gạch Block.....
- Bình khí nén oxi, bạt che phủ công trình.....

Hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy của thị trường, đi kèm với cơ hội là những thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp. Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú đã và đang xây dựng cho mình một chỗ đứng vững bền trong xu thế ấy.

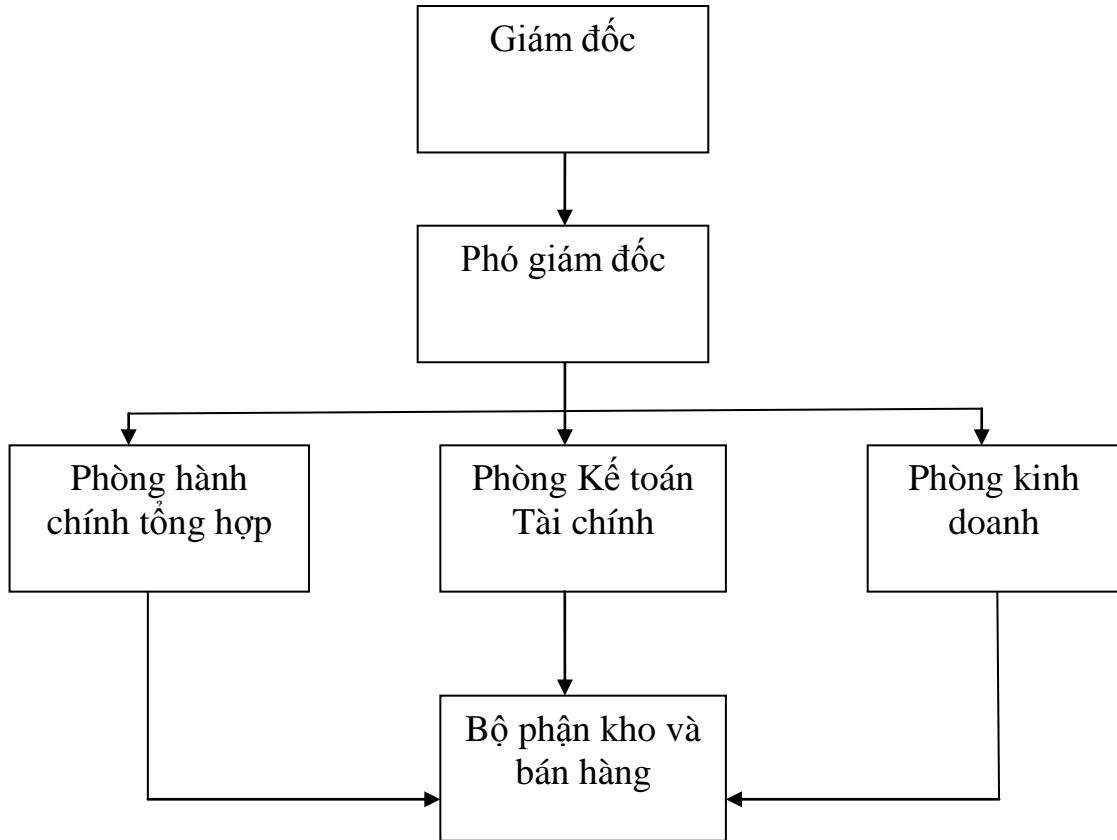
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi Nhánh công ty TNHH Thương mại Cửu Phú

Cơ cấu bộ máy quản lý.

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú là bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống, từ giám đốc, xuống giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc, kế toán trưởng và các phòng ban để thực hiện việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh.

Bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú



Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban:

1) **Giám đốc:** Là người quản trị cấp cao của doanh nghiệp, trực tiếp quản lý các thành viên và giám đốc công ty có nhiệm vụ đưa ra những chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển.

2) **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho giám đốc trong một số lĩnh vực quản lý, chẳng hạn giúp cho giám đốc trong việc kiểm tra đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ và đi sát chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh.

3) **Phòng hành chính tổng hợp:** Có nhiệm vụ hành chính văn phòng, an toàn lao động, chăm lo đời sống cho công nhân viên tạo môi trường làm việc thuận lợi để toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty làm việc học tập, tham gia phát huy tối đa khả năng sáng tạo.

4) **Phòng kinh doanh:** Đảm bảo công tác thị trường là một khâu quan trọng sống còn của công ty, tìm hiểu nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, xem xét ý kiến khách hàng về sản phẩm của công ty. Thông qua đó công ty định hướng lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh nhằm đưa ra thị trường những sản phẩm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

5) **Phòng kế toán tài chính:** Có nhiệm vụ theo dõi, báo cáo các hoạt động về tài chính, bán hàng của công ty cập nhật trong ngày, tuần, tháng, năm. Đồng thời còn tham mưu đắc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

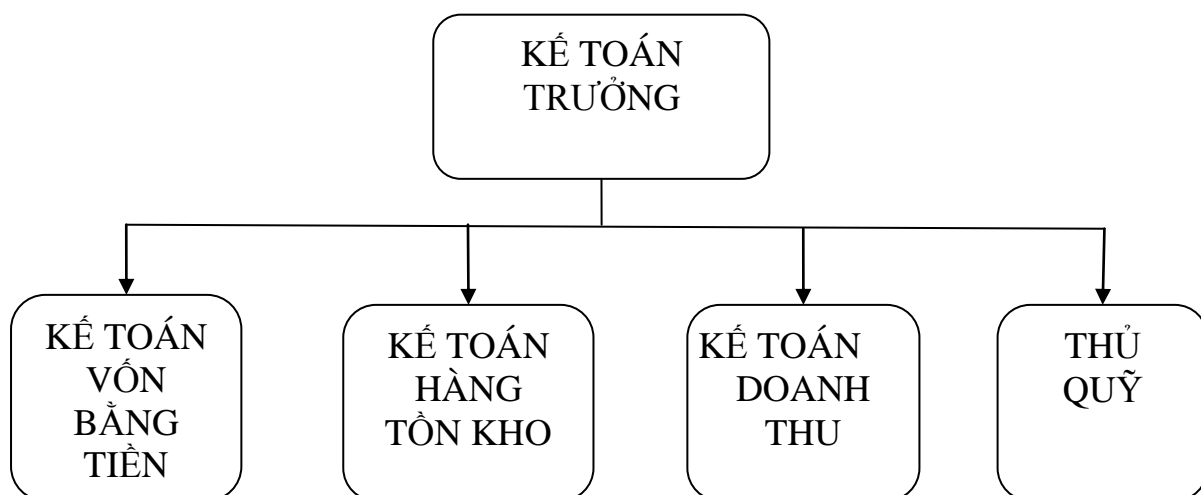
6) **Bộ phận kho và bán hàng:** Bộ phận này có nhiệm vụ giao nhận vật tư hàng hóa đủ - đúng chủng loại, quy cách, số lượng theo yêu cầu, chịu trách nhiệm giao dịch với khách hàng, thông báo về khả năng, ngày giờ cung cấp hàng đảm bảo chính xác về số lượng, an toàn về chất lượng, hợp lý về giá cả nhằm hỗ trợ cho công tác kế toán trong việc thống kê chính xác số liệu.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.



➤ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** Là người có chức năng tổ chức, kiểm tra công tác kế toán của công ty, tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về chuyên môn kế toán của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, phân công, kiểm tra và đánh giá chất lượng công tác của các nhân viên kế toán trong phòng, đồng thời kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các chế độ tài chính, chính sách của tất cả các khâu trong quá trình kinh doanh, thông qua và ký duyệt tất cả các chứng từ thu, chi cũng như các báo cáo kế toán, hợp đồng kinh tế. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **Kế toán vốn bằng tiền:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình hiện có và sự biến động quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác bán hàng; theo dõi công nợ phải thu của các khách hàng.

➤ **Kế toán hàng tồn kho :** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm hàng hóa, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp doanh thu và chi phí.

➤ **Kế toán doanh thu:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu.

➤ **Thủ quỹ:** Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ, bảo quản quỹ tiền mặt, theo dõi tình hình biến động của tiền mặt tại công ty, thực hiện thu, chi khi có đủ thủ tục giấy tờ theo quy định.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập các báo cáo tài chính của Công ty. Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

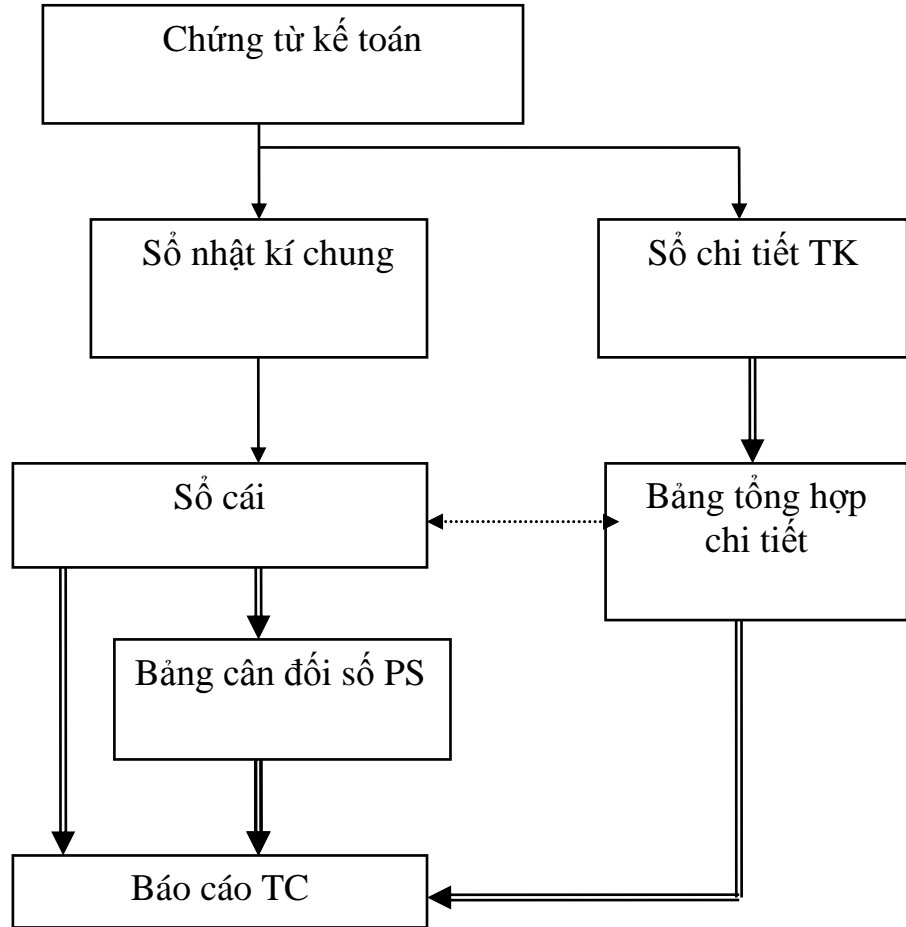
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức áp dụng tại đơn vị.

Là một đơn vị kinh doanh có quy mô, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều do đó để hệ thống hóa và tính toán các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến bậc đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật kí chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Sổ nhật kí chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết), số liệu từ Bảng cân đối SPS và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên Sổ nhật kí chung.

2.1.5.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DN)

Ngoài ra kế toán còn lập thêm báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo thuế....

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty.

Đặc điểm sản phẩm:

Hiện nay, công ty đang kinh doanh các mặt hàng như:

- Các loại sắt thép hình chữ U, I, V, thép tấm, thép cuộn, thép góc, thép hộp, sắt hộp...
- Tôn mạ màu, xà gồ tạo hình I, Z...
- Vật liệu xây dựng như: Xi măng, gạch chỉ đỏ, gạch gò công, gạch men lát nền, gạch Block.....
- Bình khí nén oxi, bạt che phủ công trình....



Các phương thức bán hàng của doanh nghiệp:

Thị trường của đơn vị chủ yếu ở thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận khác. Để có thể khẳng định và giữ vững vị trí đối với các doanh nghiệp đối thủ khác trong nền kinh tế thị trường, đơn vị đã không ngừng đẩy mạnh, cải thiện công tác bán hàng, nâng cao uy tín đối với khách hàng, áp dụng các hình thức thanh toán linh hoạt, nhanh chóng và phù hợp để khách hàng cảm thấy hài lòng và thuận tiện.

Đơn vị sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ.

Phương thức bán buôn: Là hình thức bán hàng chủ yếu của đơn vị khi tiêu thụ. Khách hàng theo phương thức này đa phần là các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH thuộc địa phận thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Việc mua bán hàng hóa đều có căn cứ vào các hợp đồng kinh tế đã được ký kết thể hiện rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

Đối với hình thức bán buôn của công ty chủ yếu là bán buôn qua kho.

Phương thức bán lẻ: Là hình thức bán trực tiếp cho khách lẻ, khách vãng lai qua đường, các cửa hàng trong và ngoài thành phố.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên hoặc thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Đơn vị áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp (Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) và phương thức thanh toán chậm (khách hàng mua chịu).

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.



Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, lệnh chuyển có.
- Các chứng từ khác có liên quan.
-



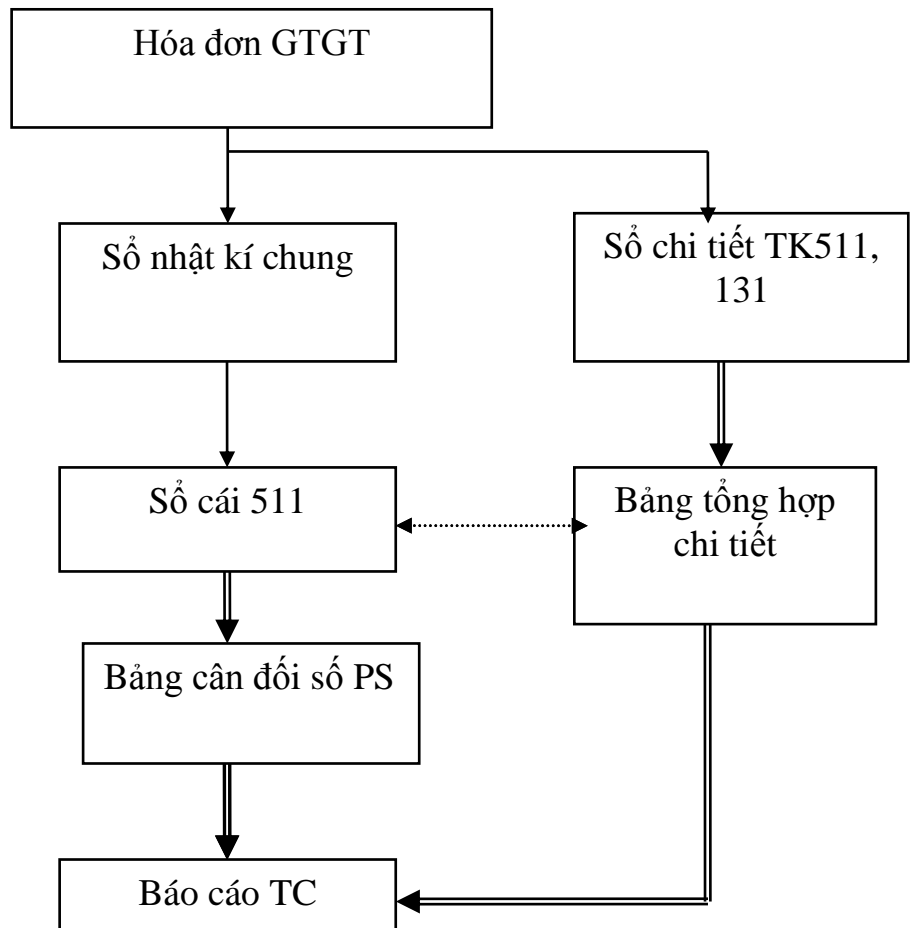
Tài khoản sử dụng:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP




- TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
Do doanh nghiệp kinh doanh nhiều loại mặt hàng vật liệu xây dựng nên tài khoản 511 được đơn vị lựa chọn hạch toán riêng cho từng loại hàng hóa được theo dõi chi tiết:
 - + TK51111: Doanh thu bán tôn mạ màu
 - +TK51112: Doanh thu bán thép hình các loại: Thép hình chữ U, I, L
 - +TK51113: Doanh thu bán thép tấm các loại.
 - +TK51114: Doanh thu bán thép cuộn các loại.
 - +TK51118: Doanh thu bán các mặt hàng khác.
- TK111: Tiền mặt
- TK112: Tiền gửi ngân hàng
- TK131: Phải thu khách hàng.
- ✚ Hệ thống sổ sách sử dụng:
 - Sổ chi tiết TK131
 - Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
 - Bảng tổng hợp doanh thu
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK: 131, 511...

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối kỳ: 
- Đối chiếu, kiểm tra: 

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung vào Sổ cái các tài khoản 511, 131... Đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán vào Sổ chi tiết các tài khoản 511, 131...

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết. Đồng thời căn cứ vào Sổ cái các tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 25/7/2012 xuất bán tôn mạ màu, thép các loại cho công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh. Tổng trị giá thanh toán là 214.377.240 (đã bao gồm VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào đơn đặt hàng của công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh, công ty xuất hàng và kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT số 0000121.

- Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK131:	214.377.240
Có TK511:	194.888.400
Có TK33311:	19.488.840

Từ bút toán trên kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (biểu số 2.1.1), đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK131 (biểu số 2.1.2), sổ chi tiết TK511 (biểu số 2.1.3).

Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK511 (biểu số 2.1.3) và Sổ cái TK 131 (biểu số 2.1.4) và các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết TK131, sổ chi tiết TK511 kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng (biểu số 2.1.6), Bảng tổng hợp chi tiết phải thu TK131 (biểu số 2.1.7). Đồng thời căn cứ vào Sổ cái các tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ
Ngày 25 tháng 07 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: 0000121

Đơn vị bán hàng: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ**

Mã số thuế: **02 0047698 4**

Địa chỉ: **thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

Điện thoại:.....Fax.....

Số tài khoản:..... Tại.....

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: **Công ty TNHH cơ khí Trọng Minh**

Mã số thuế: **02 0076154 8**

Địa chỉ: **772 - Nguyễn Văn Linh – An Đông – An Dương – Hải Phòng**

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:.....

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Tôn mạ màu	Kg	2.700	23.500	63.450.000
2	Thép tấm 10ly	Kg	1.250	16.000	20.000.000
3	Thép tấm sáu	Kg	3.200	12.500	40.000.000
4	Thép hình I200	Kg	2.332	15.000	34.980.000
5	Thép hình I300	Kg	2.762	13.200	36.458.400

Cộng tiền hàng:194.888.400

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:19.488.840

Tổng cộng tiền thanh toán:214.377.240

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.1: Trích sổ nhật ký chung chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
06/04	BC26	06/04	Cty CP Đông Á ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112	120.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		120.000.000
			
21/04	BC28	21/04	Cty CP Đông Á ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	112	40.488.000	
			Phải thu khách hàng	131		40.488.000
			
10/07	HD118	10/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	511		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3331		14.589.818
			
25/07	HD121	25/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	214.377.240	
			Doanh thu bán hàng hóa	511		194.888.400
				3331		19.488.840
			
29/07	BC101	29/07	Cty TNHH TMCK Trọng Minh thanh toán tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Tecombank	112	200.000.000	
			Phải thu của khách hàng	131		200.000.000

			Tổng cộng SPS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.2: Sổ chi tiết tài khoản 131 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Mẫu số S08 - DN

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng công ty TNHH TM CK Trọng Minh

Từ ngày 01/01/2012 – 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:					
HĐ121	25/07	Cty TNHH CK Trọng Minh					
		Doanh thu bán hàng	511	194.888.400		194.888.400	
		Thuế GTGT phải nộp	333	19.488.840		214.377.240	
BC101	29/07	Cty TNHH Trọng Minh thanh toán tiền hàng					
		Tiền gửi ngân hàng	112		200.000.000	14.477.240	
		Tổng số phát sinh		214.377.240	200.000.000		
		Số dư cuối kỳ:				14.477.240	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.3: Trích sổ chi tiết doanh thu bán hàng chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
 Thị trấn Núi Đèo– Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35- DN
 (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép hình các loại
 Năm 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
									
06/05	HĐ57	06/05	Xuất bán thép hình hộp chữ U cho công ty TNHH kính cường lực Ngọc Thủy	112	6.725	16.700		112.307.000		
									
12/07	HĐ120	12/07	Xuất bán thép hình I300 cho doanh nghiệp TN Thịnh Đạt	131	8.736	16.700		145.898.182		
25/07	HĐ121	25/07	Xuất bán thép hình các loại cho công ty TNHH TM CK Trọng Minh							
			Xuất bán thép hình I200	131	2.332	15.000		34.980.000		
			Xuất bán thép hình I300	131	2.762	13.200		36.458.400		
									
11/11	HĐ188	11/11	Xuân bán thép hình chữ U cho công ty Giang Khải	131	2.666	16.400		43.722.400		
									
			Cộng số phát sinh				14.120.456.524	14.120.456.524		

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.4: Trích sổ cái tài khoản 511 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
03/02	HD43	03/02	Xuất bán xi măng cho công ty xây dựng Thiên Trường			
			Tiền gửi ngân hàng	131		135.000.000
		
25/07	HD121	25/07	Xuất bán hàng hóa cho công ty TNHH TM CK Trọng Minh			
			Phải thu khách hàng	131		194.888.400
		
13/08	HD131	13/08	Xuất bán hàng hóa cho cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Mai			
			Phải thu khách hàng	131		198.769.300
		
12/10	HD170	12/10	Xuất bán hàng hóa cho công ty xây dựng Nam Thành			
			Phải thu khách hàng	131		146.788.800
		
31/12	PKT47/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	51.184.267.320	
			Tổng số phát sinh		51.184.267.320	51.184.267.320

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.5: Trích sổ cái tài khoản 131 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		3.642.131.154	
					
06/04	BC26	06/04	Cty CP Đông Á ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112		120.000.000
			
21/04	BC28	21/04	Cty CP Đông A ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	112		40.488.000
			
10/07	HD118	10/07	Xuất bán hàng hóa			
			Doanh thu bán hàng	511	145.898.182	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	14.598.818	
25/07	HD121	25/07	Xuất bán vật tư			
			Doanh thu bán hàng	511	194.888.400	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	19.488.840	
			
29/07	BC101	29/07	Công ty TNHH CK Trọng Minh thanh toán tiền hàng	112		200.000.000
			
13/8	HD131	13/08	Xuất bán hàng hóa cho cửa hàng VLXD Thanh Mai			
			Doanh thu bán hàng	511	198.769.300	
			Thuế GTGT	3331	19.876.930	
			
			Cộng số phát sinh		38.882.662.840	40.375.640.000
			Số dư cuối kỳ		2.149.153.994	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.6: Trích sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 511 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên mặt hàng	SH TK	Phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
01	Doanh thu tôn mạ màu	51111	14.120.456.524	14.120.456.524	
02	Doanh thu thép hình các loại	51112	10.234.124.556	10.234.124.556	
03	Doanh thu thép tấm các loại	51113	9.867.456.745	9.867.456.745	
04	Doanh thu thép cuộn các loại	51114	11.234.657.865	11.234.657.865	
05	Doanh thu bán mặt hàng khác	51118	5.727.571.640	5.727.571.640	
	Tổng cộng		51.184.267.320	51.184.267.320	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.7: Sổ tổng hợp tài khoản 131 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	DNTN Việt Anh	342.224.479		3.607.877.390	3.167.500.000	782.601.869	
02	Cty TNHH Hoa Phượng	1.757.480.171		2.162.006.862	1.744.440.000	2.175.047.033	
03	Cty cổ phần Huyền Trang	740.604.980		38.162.200	376.338.600	746.428.580	
04	Cty TNHH CK Trọng Minh	-	-	214.377.240	200.000.000	14.377.240	
05	Cty TNHH TM &XD Đông Hải	173.533.070		-	30.000.000	143.533.070	
06	Công ty Cổ phần Đông Á	434.720.656		1.849.751.000	1.127.200.000	157.271.656	
	
	Tổng cộng	4.303.243.154	661.112.000	38.882.662.840	40.375.640.000	2.979.603.994	830.450.000

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Giá vốn hàng bán của Chi nhánh công ty TNHH Cửu Phú được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi một loại hàng hóa.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Ví dụ: Ngày 25/ 07/2012 xuất bán tôn mạ màu cho công ty TNHH CK Trọng Minh. Số lượng tôn mạ màu tồn kho tính đến ngày 25/07/2012 là 42.600kg, trị giá tôn mạ màu tồn kho là 931.363.800đồng.

Theo công thức trên ta có:

$$\text{Đơn giá tôn mạ màu xuất kho} = \frac{931.363.800}{42.600} = 21.863(\text{đ/kg})$$

Trị giá vốn của tôn mạ màu xuất kho = 21.863 * 2.700 = 59.030.100(đồng)

2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

✚ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 156 - Hàng hóa
- ✓ TK632 - Giá vốn hàng bán

Để hạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản được kế toán đơn vị theo dõi chi tiết trên các tài khoản:

- TK63211: Giá vốn bán tôn mạ màu
- TK63212: Giá vốn bán thép hình các loại: Thép hình chữ U, I, L...
- TK63213: Giá vốn bán thép tấm các loại.
- TK63214: Giá vốn bán thép cuộn các loại.
- TK63218: Giá vốn các mặt hàng khác

✚ Chứng từ sử dụng:

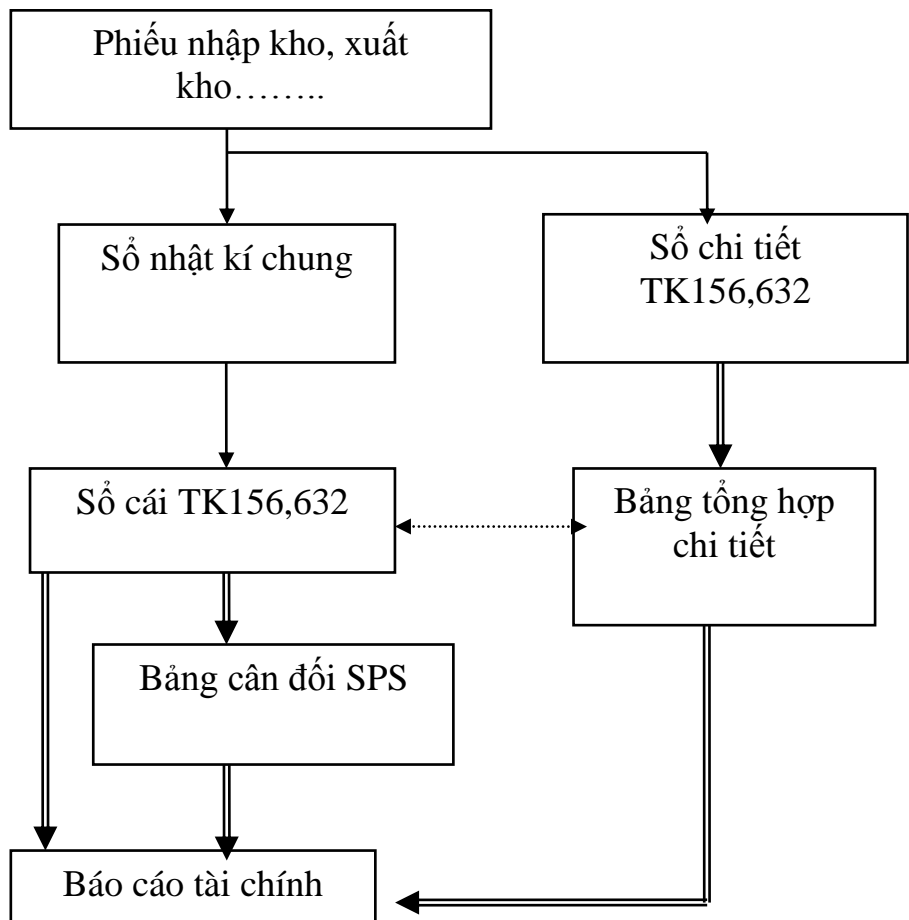
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Thẻ kho
- Và các chứng từ khác có liên quan

✚ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK156, 632....
- Sổ tổng hợp 156, 632.....
- Sổ cái TK 156, 632....

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho đã được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản 156, 632...Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào Sổ chi tiết TK156, 632...

Cuối kỳ, kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ Sổ chi tiết tài khoản, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ chi tiết). Số liệu từ các Sổ cái được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: (Ví dụ phần 2.2.1.2)

Ngày 25/07/2012 xuất bán tôn mạ màu thép các loại cho công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh. Tổng trị giá thanh toán là 214.377.240(đã bao gồm VAT 10%). Giá vốn hàng bán là 182.936.868 đồng. Công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh chưa thanh toán tiền hàng.

Từ phiếu xuất kho, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.1), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 156, Sổ chi tiết TK 632 (Biểu số 2.2.2).

Căn cứ số liệu ghi trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 156, Sổ cái TK 632(Biểu số 2.2.3).

Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên Sổ chi tiết TK632 kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn. Căn cứ vào sổ cái TK632 và sổ cái các tài khoản khác có liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 7 năm 2012

Phiếu số 21/07

TK Nợ: 632

TK Có : 156

Họ tên người nhận hàng: Vũ Kim Cúc

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (Sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng		ĐG	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn mạ màu	Kg	2.700	2.700	21.863	59.030.010
2	Thép tấm 10ly	Kg	1.250	1.250	14.062	17.577.500
3	Thép tấm sáu	Kg	3.200	3.200	11.438	36.601.600
4	Thép hình I200	Kg	2.332	2.332	14.604	34.056.528
5	Thép hình I300	Kg	2.762	2.762	12.915	35.671.230
	Cộng tiền hàng					182.936.868

Tổng số tiền(bằng chữ): Một trăm tám mươi hai triệu chín trăm ba sáu nghìn tám trăm sáu tám đồng./

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.1: Trích sổ nhật ký chung chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....			
21/04	BC28	21/04	Cty CP Đông Á ứng trước			
			Tiền gửi ngân hàng	112	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
			
10/07	HD118	10/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán vật tư	511		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3331		14.589.818
			
25/07	HD121	25/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	214.377.240	
			Doanh thu bán hàng	5111		194.888.400
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3331		19.488.840
25/07	PX21/07	25/07	Xuất bán tôn mạ màu thép hình các loại			
			Giá vốn hàng bán	632	182.936.868	
			Hàng hóa	156		182.936.868
			
29/07	BC56	29/07	Công ty TNHH Trọng Minh thanh toán tiền			
			Tiền gửi ngân hàng	112	200.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		200.000.000
			
			Tổng cộng số phát sinh		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.2: Trích sổ chi tiết tài khoản 632 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn - Núi Đèo - Thủy Nguyên

Mẫu số S35- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Thép hình các loại
Năm 2012

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			
	SH	NT			SL	ĐG	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
06/05	PX08/05	06/05	Xuất bán thép hình cho cty TNHH kính cường lực Ngọc Thủy	156	6.725	15.400		103.565.000
							
12/07	PX15/07	12/07	Xuất bán thép hình I300 cho DNTN Thịnh Đạt	156	8.736	15.700		137.155.200
25/07	PX21/07	25/07	Xuất bán thép hình các loại cho cty TNHH TM CK Trọng Minh					
			Xuất bán thép hình I200	156	2.332	14.604		34.056.528
			Xuất bán thép hình I300	156	2.762	12.915		35.671.230
							
11/11	HD188	11/11	Xuất bán thép hình chữ U cho cty Giang Khải	156	2.666	15.400		41.056.400
							
			Cộng số PS				8.994.323.377	8.994.323.377

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.3. Trích sổ cái tài khoản 632 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
03/02	PX12/02	03/12	Xuất bán gạch men các loại cho công ty cổ phần Tuế Quang			
			Hàng hóa	156	123.743.800	
			
12/07	PX15/07		Xuất bán vật tư, xà gỗ, thép hình			
			Hàng hóa	156	119.184.700	
25/07	PX21/07	25/07	Xuất bán tôn mạ màu, thép hình các loại			
			Hàng hóa	156	182.936.868	
			
08/10	PX11/10	08/10	Xuất bán xi măng cho công ty xây dựng Thiên Thuận Tường			
			Hàng hóa	156	117.356.122	
			
03/11	PX 09/11	03/11	Xuất hàng hóa cho công ty TNHH Nam Thành			
			Hàng hóa	156	170.873.400	
			
31/12	PKT48/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh	911		45.607.904.925
			Tổng số phát sinh		45.607.904.925	45.607.904.925

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.4: Trích sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 632 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo– Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên mặt hàng	SHTK	Phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
01	Giá vốn tôn mạ màu	63211	12.719.978.919	12.719.978.919	
02	Giá vốn thép hình các loại	63212	8.994.323.377	8.994.323.377	
03	Giá vốn thép tấm các loại	63213	8.689.989.098	8.689.989.098	
04	Giá vốn thép cuộn các loại	63214	10.324.766.026	10.324.766.026	
05	Giá vốn bán mặt hàng khác	63218	4.878.847.515	4.878.847.515	
	Tổng cộng		45.607.904.925	45.607.904.925	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp

Chi phí bán hàng tại doanh nghiệp là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp sản phẩm, cung cấp hàng hóa bao gồm chi phí lưu kho lưu bãi, chi phí bảo quản, phí vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác....

• Chứng từ kế toán sử dụng

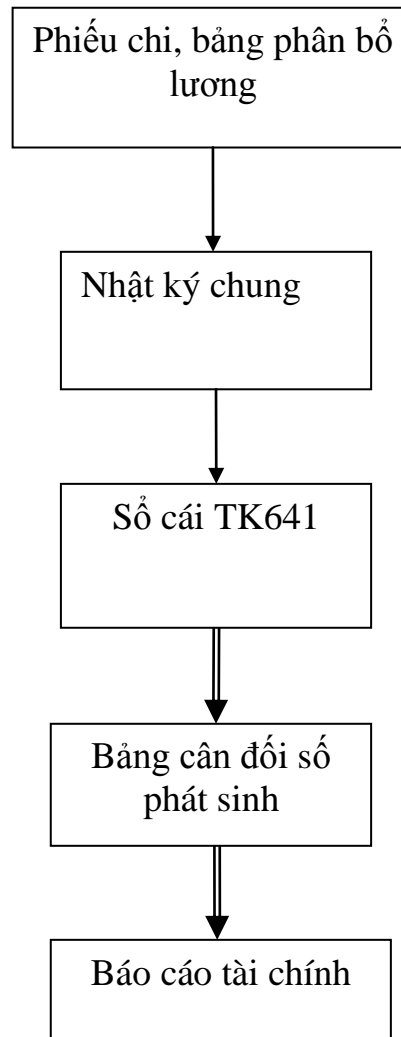
- Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội(Mẫu số 11- LĐT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07- VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTGT-3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 02- VT)
- Chứng từ kế toán liên quan

• Tài khoản kế toán sử dụng: TK641- chi phí bán hàng




Và các tài khoản khác có liên quan: TK111, 112...

• Trình tự luân chuyển chứng từ:

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối kỳ: 
- Đối chiếu, kiểm tra: 

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK641.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK641 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 08/08/2012, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ của VNPT tháng 7/2012, trị giá thanh toán là 1.271.636 (đã bao gồm VAT 10%) đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (GTGT) của VNPT (Biểu số 2.3.1), phiếu chi (Biểu số 2.3.2), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3.3). Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK641 (Biểu số 2.3.4), TK133,TK111.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 641, Sổ cái TK111, Sổ cái TK133, kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối SPS. Từ Bảng cân đối SPS lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.1:

	HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	Mẫu số: 01GTKT2/001
	TELECOMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)	Ký hiệu: AA/12P
	Liên 2: giao cho người mua (Customer copy)	Số: 0378489

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT dịch vụ khách hàng.

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer 's name): **Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.**

Địa chỉ (Address): **Thị trấn Núi Đèo –Thủy Nguyên- Hải Phòng**

SĐT:.....**Fax:**.....**Mã số (Code):**.....

Hình thức thanh toán (kind of Payment): **TM/CK** **MST:**

0200476984.....

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Kỳ cước tháng 07/2012				
a.	Cước dịch vụ viễn thông				1 156 033
b.	Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
c.	Chiết khấu				0
d.	Khuyến mại				0
e.	Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0

(a +b +c + d) **Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):** **1 156 033**

Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2) **115 603**

(1+2 +e) **Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):** **1 271 636**

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy một nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.

Ngày 08 tháng 08 năm 2012

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.2:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Mẫu số: 02 – TT

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/20

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 08 tháng 08 năm 2012

Số: 146

Nợ 641

Nợ 133

Có 111

Họ và tên người nhận tiền: Chị Trang

Địa chỉ: Văn phòng công ty

Lý do chi: Thanh toán tiền cước viễn thông VNPT

Số tiền: 1.271.636

(Viết bằng chữ)

Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.

Kèm theo: 01

Chứng từ gốc: HĐGTGT dịch vụ VNPT

Ngày 08 tháng 08 năm 2012

Giám đốc (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

- Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.

- Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

- Số tiền quy đổi:.....

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.3: Trích Sổ nhật ký chung chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
21/04	BC 28	21/ 04	Cty CP Đông Á ứng trước			
			Tiền gửi NH	112	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
			
10/07	HĐ118	10/ 07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán hàng	511		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra	3331		14.589.818
			
25/07	HĐ121	25/ 07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	214.377.240	
			Doanh thu bán HH	511		194.888.400
				3331		19.488.840
			
08/08	PC 146	08/ 08	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 7/2012			
			Chi phí bán hàng	641	1.156.033	
			Thuế GTGT đầu vào được KT	133	115.603	
			Tiền mặt	111		1.271.636
			
31/12	PKT48/1 2	31/ 12	Kết chuyển chi phí bán hàng			
			Kết quả HĐ SXKD	911	1.714.213.336	
			Chi phí bán hàng	641		1.714.213.336
			
			Tổng cộng số PS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.4: Trích Sổ cái TK641 chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
04/05	PC46	04/05	Chi tiếp đãi khách			
			Tiền mặt	111	3.450.000	
			
08/08	PC115	08/08	Thanh toán tiền cước viễn thông VNPT tháng 07/2012			
			Tiền mặt	111	1.156.033	
			
17/09	BN211	17/09	Chi phí quảng cáo	112	10.430.000	
			Tiền gửi NH			
			
30/12	KH12	30/12	Trích KH TSCĐ định tháng 12	214	27.943.523	
			Hao mòn TSCĐ			
					
31/12	PKT48/ 12	31/12	Kết chuyển CPBH			
			Xác định KQKD	911		1.714.213.336
			Cộng số PS		1.714.213.336	1.714.213.336

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, chi phí mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng, các khoản trích theo lương, chi phí tiếp khách...

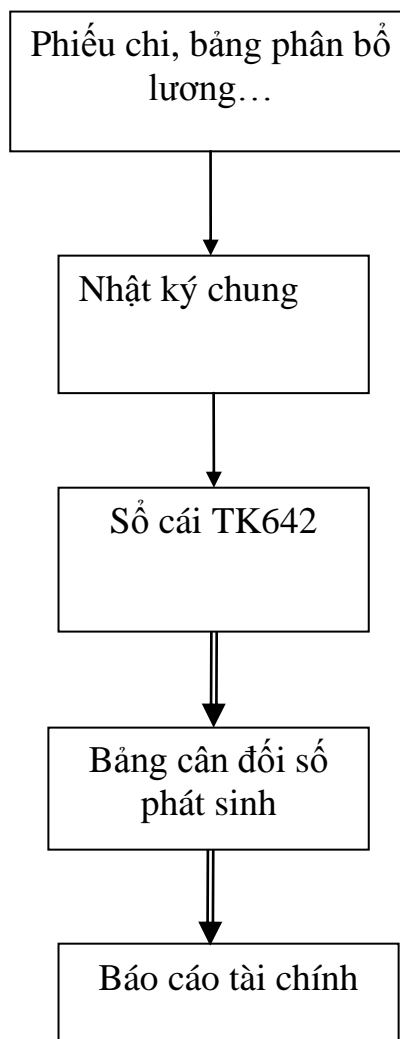
- Chứng từ kế toán sử dụng
 - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao (Mẫu số 06- TSCĐ)
 - Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07- VT)
 - Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL)
 - Phiếu chi (Mẫu số 02- VT)
 - Chứng từ có liên quan

• **Tài khoản sử dụng:** TK 642- chi phí quản lý doanh nghiệp

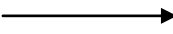
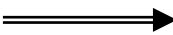
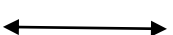
Và các tài khoản khác có liên quan: TK111, 112....

• **Trình tự luân chuyển chứng từ:**

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối kỳ: 
- Đối chiếu, kiểm tra: 

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK642.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK642 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 20/12/2012 phòng KT- tài chính thanh toán tiền chi phí đối ngoại. Số tiền 450.000 đã chi bằng tiền mặt.

Từ Phiếu chi (Biểu số 2.4.1) và các chứng từ có liên quan kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4.2) đồng thời thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt.

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 642 (Biểu số 2.4.3), Sổ cái TK111.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK642, sổ cái TK111, kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối Số phát sinh và từ Bảng cân đối Số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.1:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ Mẫu số: 02 – TT

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Số: 194

Nợ 642

Có 111

Họ và tên người nhận tiền: Anh Thắng

Địa chỉ: Phòng KT- Tài chính

Lý do thu: Thanh toán tiền chi phí đối ngoại

Số tiền: 450.000 (Viết bằng chữ) **Bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo:.....

Chứng từ kế toán

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

- Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi nghìn đồng.
- Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....
- Số tiền quy đổi:.....

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.2: Giấy đề nghị thanh toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Lãnh đạo chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

Tên tôi là: Trần Văn Thắng – Nhân viên công ty

Bộ phận: Phòng KT- Tài chính

Tôi xin được thanh toán tiền mua vòng hoa phúng viếng bố đẻ ông Nguyễn Ngọc Thạch – Nhân viên phòng HC.

- 01 vòng hoa: 150.000
- Phúng viếng: 300.000

Tổng cộng: 450.000

(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Vậy tôi làm giấy này kính đề nghị lãnh đạo công ty cho tôi thanh toán số tiền trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn./

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người đề nghị

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.3: Trích Sổ nhật ký chung

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
21/04	BC28	21/04	Cty CP Đông Á ứng trước			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
			
10/07	HD118	10/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán hàng	511		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra	333		14.589.818
			
25/07	HD121	25/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	214.377.240	
			Doanh thu bán hàng	511		194.888.400
			Thuế GTGT đầu ra	333		19.488.840
			
20/12	PC194	20/12	Thanh toán tiền chi phí đối ngoại			
			Chi phí quản lý DN	642	450.000	
			Tiền mặt	111		450.000
			
31/12	PKT48 /12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			
			Kết quả HĐ SXKD	911	2.443.042.936	
			Chi phí QLDN	642		2.443.042.936
			
			Tổng công số phát sinh		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.4: Trích sổ cái tài khoản 642

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
04/04	PC42	04/04	Thanh toán tiền sửa chữa điện, sơn lại công đơn vị			
			Tiền mặt	111	1.438.000	
			
17/09	BN211	17/09	Phí chuyển tiền			
			Tiền gửi ngân hàng	112	41.362	
			
20/12	PC194	20/12	Thanh toán tiền chi phí đổi ngoại			
			Tiền mặt	111	450.000	
			
30/12	KH12	30/12	Trích KH TSCĐ T12			
			Hao mòn TSCĐ	214	17.698.388	
					
31/12	PK48/1 2	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			
			Xác định KQKD	911		2.443.042.936
			Cộng số phát sinh		2.443.042.936	2.443.042.936

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị bao gồm tiền lãi gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh. Các chứng từ, số liệu phải đảm bảo tuân thủ pháp luật theo đúng quy định của Nhà nước.

✚ Tài khoản kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng.
- Tài khoản 111 – Tiền mặt

✚ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Bản kê sao của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan.

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là khoản phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

Chi phí hoạt động tài chính của đơn vị là các khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái.

✚ Tài khoản kế toán sử dụng:

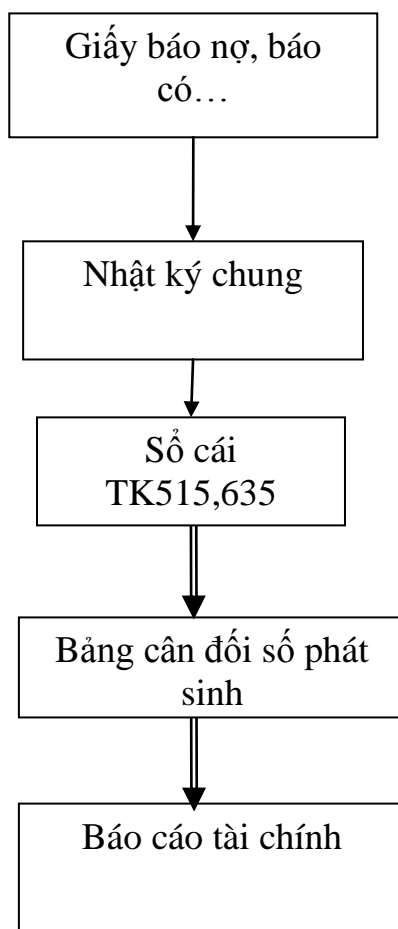
- Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính
- Tài khoản 111 – Tiền mặt
- Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản khác có liên quan

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:




- Phiếu thu, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối kỳ: 
- Đối chiếu, kiểm tra: 

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, Kế toán ghi số liệu vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản 515, 635...

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK515, 635 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối Số phát sinh. Từ Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh, kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

1. Ngày 01/07/2012 công ty nhận được phiếu báo có tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Techcombank tháng 6 năm 2012 số tiền 712.896đồng.

Từ phiếu Báo có (Biểu số 2.5.1), kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5.2). Đồng thời kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào số liệu ghi trên Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 515 (Biểu số 2.5.3), TK112.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái tài khoản 515 và các sổ sách có liên quan, kế toán kiểm tra đối chiếu lập Bảng cân đối Số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính.

2. Ngày 28/07/2012 công ty nhận được phiếu báo nợ tiền lãi vay ngân hàng Techcombank tháng 07/2012 số tiền là 17.525.936đồng.

Từ phiếu Báo Nợ (Biểu số 2.5.4), kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5.2). Đồng thời kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào số liệu ghi trên Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 635 (Biểu số 2.5.5), TK112.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái tài khoản 635 và các sổ sách có liên quan, kế toán kiểm tra đối chiếu lập Bảng cân đối Số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.1:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUƠNG VIỆT
NAM
Chi nhánh: Thủy Nguyên
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK

Mẫu số: 01GTKT2/004
Ký hiệu: AA/12T
Số:

PHIẾU BẢO CỐ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 01 tháng 07 năm 2012

Tên khách hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI CỤU PHU	Số tài khoản: 109.21266666.01.9
Địa chỉ: THI TRAN NUI DEO THUY NGUYEN HAI PHONG	Loại tiền : VND
Mã số thuế: 0200476984	Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN
Số ID khách hàng: 21266666 FT11210A01002941/XNV	Số bút hạch toán:

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lai tiền gửi không kỳ hạn	712.896
Tổng số tiền	712.896

Số tiền bằng chữ: **Bảy trăm mười hai nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.**

Trích yếu : Lãi tiền gửi không kỳ hạn

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK - KA

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.2:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT
NAM
Chi nhánh: Thủy Nguyên
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK

Mẫu số: 01GTKT2/003
Ký hiệu: AA/12T
Số:

PHIẾU BÁO NỢ (Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ) Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 28 tháng 07 năm 2012

Tên khách hàng: CHI NHANH CONG TY TNHH THUONG MAI CUU PHU	Số tài khoản: 109.21266666.01.9
Địa chỉ: THI TRAN NUI DEO THUY NGUYEN HAI PHONG	Loại tiền : VNĐ
Mã số thuế: 0200476984	Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN
Số ID khách hàng: 21266666	Số bút hạch toán: LD1111800348;0

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thu no lai(LD – IN)	17.542.936
Tổng số tiền	17.542.936

Số tiền bằng chữ: **Mười bảy triệu năm trăm bốn hai nghìn chín trăm ba sáu đồng.**

Trích yếu : Thu no lai (LD – IN)

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK - KA

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.3:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
21/04	BC28	21/04	Công ty cổ phần Đông Á ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	112	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
			
01/07	BC145	01/07	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 06/2012			
			Tiền gửi NH	112	712.896	
			Thu nhập lãi tiền gửi	515		712.896
			
10/07	HD118	10/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	511		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra	3331		14.589.818
			
25/07	HD121	25/07	Xuất bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	214.377.240	
			Doanh thu bán hàng hóa	511		194.888.400
				3331		19.488.840
			
28/07	BN186	28/07	Chi phí lãi vay tháng 07/2012			
			Chi phí lãi tiền vay	635	17.542.936	
			Tiền gửi NH	112		17.542.936
			
			Tổng công số PS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.4: Trích sổ cái tài khoản 515

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
01/02	BC21	01/02	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 01/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Vietinbank	112		1.423.133
			
01/07	BC145	01/07	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 06/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112		712.896
			
01/11	BC211	01/11	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 10/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	112		1.375.233
					
31/12	PKT 47/12	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	50.773.760	
			Cộng số phát sinh		50.773.760	50.773.760

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.5: Trích sổ cái tài khoản 635

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			
02/03	BN23	02/03	Chi phí lãi vay tháng 02/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	112	7.845.100	
			
28/05	BN67	28/05	Chi phí lãi vay tháng 05/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112	17.542.936	
			
28/07	BN186	28/07	Chi phí lãi vay tháng 07/2012			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	112	17.542.936	
					
31/12	PKT48/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			
			Xác định kết quả kinh doanh	911		643.042.931
			Cộng số phát sinh		643.042.931	643.042.931

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản cấp 2:
 - + TK4211: Lãi năm trước
 - + TK4212: Lãi năm nay
- TK821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

❖ Nguyên tắc hạch toán:

Cuối năm kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có của TK911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK911.

- Nếu tổng số phát sinh Nợ TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK911=> Doanh nghiệp lỗ thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên nợ TK421.

Nợ TK421

Có TK911

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK911=> Doanh nghiệp lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước như sau:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{SPS Có TK911} - \text{SPS Nợ TK911}$$

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} * \text{Thuế suất thuế TNDN.}$$

Hiện tại theo quy định của luật thuế TNDN/2008 thì thuế suất thuế TNDN là: 25%

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} - \text{Thuế TNDN}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có TK421.

Nợ TK911

Có TK421

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK911 bằng tổng số phát sinh bên Có TK911 => Doanh nghiệp hòa vốn.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2012. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 51.184.267.320
- Giá vốn hàng bán: 45.607.904.925
- Doanh thu hoạt động tài chính: 50.773.760
- Chi phí tài chính: 643.042.931
- Chi phí bán hàng: 1.714.213.336
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.443.042.936

$$\begin{array}{r} \text{Kết} \\ \text{quả} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu BH} \\ \text{\&} \\ \text{CCDV} \end{array} - \text{Giá vốn} + \begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{HĐTC} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{BH,} \\ \text{QLDN} \end{array}$$

Kết quả kinh doanh = 51.184.267.320 - 45.607.904.925 + 50.773.760 - 643.042.931 - 1.714.213.336 - 2.443.042.936 = 826.836.952 > 0 => Doanh nghiệp lãi.

Thuế TNDN phải nộp = 826.836.952 * 25% = 206.709.238 (đã tạm nộp Quý I, II, III là 174.462.590, còn phải nộp Quý IV là 32.246.648.)

Lãi sau thuế chưa phân phối = 826.836.952 - 206.709.238 = 620.127.714

Từ các số liệu trên kế toán sẽ tổng hợp lập Phiếu kế toán (Biểu số 2.5.1).
Từ Phiếu kế toán kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5.2).

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái các tài khoản 911 (Biểu số 2.5.3), Sổ cái tài khoản 421 và Sổ cái các tài khoản khác có liên quan như TK632, 641...

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK911 và các số sách tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra và đối chiếu để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.1: Trích Sổ nhật ký chung chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số 48/12

PHIẾU KẾ TOÁN

(Ghi Nợ TK911)

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	45.607.904.925
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	1.714.213.336
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.443.042.936
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	643.042.931
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	911	8211	206.709.238
Lợi nhuận phân phối năm nay	911	421	620.127.714

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số 47/12

PHIẾU KẾ TOÁN

(Ghi Có TK911)

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	51.184.267.320
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	50.773.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.2: Trích Sổ nhật ký chung

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển doanh thu BH&CCDV			
			Doanh thu BH&CCDV	511	51.184.267.320	
			Kết quả hoạt động SXKD	911		51.184.267.320
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC			
			Doanh thu hoạt động TC	515	50.773.760	
			Kết quả hoạt động SXKD	911		50.773.760
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển giá vốn HB			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	45.607.904.925	
			Giá vốn hàng bán	632		45.607.904.925
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí BH			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	1.714.213.336	
			Chi phí bán hàng	641		1.714.213.336
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	2.443.042.936	
			Chi phí QLDN	642		2.443.042.936
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí TC			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	643.042.931	
			Chi phí tài chính	635		643.042.931
31/12	PKT48	31/12	K/ C CP thuế TNDN HH			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	206.709.238	
			Chi phí thuế TNDN HH	821		206.709.238
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển LN ST			
			Kết quả hoạt động SXKD	911	620.127.714	
			Chi phí thuế TNDN	421		620.127.714
					
			Tổng cộng số phát sinh		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.3: Sổ cái tài khoản 911

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển			
			Doanh thu BH&CCDV	511		51.184.267.320
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển			
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		50.773.760
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Giá vốn hàng bán	632	45.607.904.925	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Chi phí bán hàng	641	1.714.213.336	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.443.042.936	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Chi phí tài chính	635	643.042.931	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Chi phí thuế TNDN	821	206.709.238	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển			
			Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421	620.127.714	
			Cộng số phát sinh		51.535.040.080	51.535.040.080

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.4: Sổ cái tài khoản 821

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
15/04	PKT18/12	15/04	Thuế TNDN tạm tính quý I			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	50.712.835	
15/07	PKT25/12	15/07	Thuế TNDN tạm tính quý II			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	75.436.213	
20/10	PKT32/12	20/10	Thuế TNDN tạm tính Quý III			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	48.313.542	
31/12	PKT48/12	31/12	Xác định số thuế TNDN còn phải nộp Quý IV			
			Thuế TNDN phải nộp bổ sung quý IV	3334	32.246.648	
31/12	PKT48/12	31/12	Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh	911		206.709.238
			Cộng số phát sinh		206.709.238	206.709.238

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.4: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành theo QDD15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 0200476984

Người nộp thuế:

Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	51.184.267.320	50.765.324.985
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		51.184.267.320	50.765.324.985
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	45.607.904.925	45.204.142.705
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		5.576.362.395	5.561.182.280
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	50.773.760	52.603.724
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	643.042.931	1.367.326.228
	- Trong đó chi phí lãi vay	23		643.042.931	1.367.326.228
8	Chi phí bán hàng	24		1.714.213.336	1.570.556.138
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.443.042.936	2.011.124.578
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		826.836.952	664.779.060
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác(40=31-32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		826.836.952	664.779.060
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	206.709.238	166.194.765
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60	VI.30	620.127.714	498.584.295
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ**

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

Qua thời gian thực tập tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Về ưu điểm

📌 Tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty theo mô hình tập trung là phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh và quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo được sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực làm việc của bản thân.

- Về nhân sự, đội ngũ kế toán có chuyên môn và kinh nghiệm làm việc nhiều năm (trình độ kế toán tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán thực hiện chính xác và kịp thời.

-Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập Báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

🚩 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.
- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc.

❖ Về việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

+ Về kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn sau mỗi lần nhập là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh : cuối mỗi tháng hoặc quý, năm kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế kết quả kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú còn bộc lộ những hạn chế sau:

Về việc khai thác và ứng dụng phần mềm kế toán:

Hiện nay công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn chậm, dễ nhầm lẫn, sót.

Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Tài khoản hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tài khoản hạch toán giá vốn hàng bán.

Tài khoản doanh thu sử dụng: TK511

Tài khoản giá vốn sử dụng: TK632

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng bao gồm nhiều loại mặt hàng, trong từng loại mặt hàng lại bao gồm phong phú nhiều kiểu loại mặt hàng khác nhau. Trên thực tế, công ty đã mở tài khoản theo dõi chung cho từng loại mặt hàng. Tuy nhiên việc theo dõi chung như vậy chưa thực sự giúp công ty có thể đối chiếu đánh giá chi tiết từng loại sản phẩm làm cho việc theo dõi nhập xuất cũng như hạch toán doanh thu, giá vốn chi tiết cho từng loại mặt hàng còn gặp nhiều khó khăn.

Về việc quản lý chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh:

Tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú, công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này làm cho việc xác định rõ từng khoản mục trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được thực hiện. Để tăng cường công tác quản lý chi phí theo từng khoản mục chi phí và giúp các nhà quản trị nắm bắt một cách chính xác tình hình chi phí bỏ ra trong doanh nghiệp công ty nên mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Về việc áp dụng chính sách chiết khấu cho khách hàng.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu cho khách hàng thanh toán sớm so với thời hạn ghi trên hợp đồng hay tiền đặt hàng trước sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Về việc trích lập các khoản dự phòng.

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra, công ty có nguồn kinh phí xử lý kịp thời những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú chưa chú trọng đến công tác trích lập dự phòng

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nước ta đang trong quá trình đổi mới, quá trình cạnh tranh càng khốc liệt, bất kể doanh nghiệp nào cũng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý thì sáng suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, và kế toán là một công cụ không thể thiếu trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính nhất là kế toán xác định kết quả kinh doanh. Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trước tiên là vì lợi ích và hiệu quả của chính bản thân doanh nghiệp. Sau đó là vì lợi ích và hiệu quả quản lý của nhà nước.

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, kế toán kết quả kinh doanh là phần hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phần hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa chặt chẽ giữa các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, như vậy hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy công tác hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng về quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với mình. Khi áp dụng phù hợp công tác kế toán sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính vì mục tiêu cuối cùng là giảm bớt sự phức tạp,

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt là thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp bắt được kịp thời được sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi đã hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao để chi phí bỏ ra thấp nhất mà hiệu quả thu được là cao thì khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt. Ngược lại để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn trong khi đó lợi ích thu được lại không đủ bù đắp được thì cũng không khả thi.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà công ty còn tồn tại vấn đề hạn chế và nếu khắc phục được thì phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Vì vậy bài khóa luận của em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

• Kiến nghị 1: Về việc khai thác và sử dụng phần mềm kế toán

Thực tế, chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú chưa áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Đơn vị nên áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính để giảm thiểu công việc gây tổn hao về sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn như: Bit Accounting, BRAVO Accounting, CNS Accounting, Misa Accounting, FTS Accounting. Ngoài ra nhà nước cũng cho phép các doanh nghiệp có thể đặt mua phần mềm kế toán riêng phù hợp điều kiện, mô hình đơn vị. Khi tiếp nhận phần mềm kế toán cần kịp thời hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt. Tuy nhiên với các phần mềm này đòi hỏi phải kiểm tra kỹ để đáp bảo đáp ứng đúng quy định của pháp luật mà Nhà nước đã ban hành.

Giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn, giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao.

• Kiến nghị 2: Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

❖ *Tài khoản hạch toán hàng hóa, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tài khoản hạch toán giá vốn hàng bán.*

Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại hàng hóa thành một số nhóm bảng nhất định với từng đặc tính cụ thể như: xi măng, sắt, thép, tôn... Khi đó kế toán nên mở sổ chi tiết TK511, 632 theo từng loại mặt hàng trong nhóm mặt hàng lớn. Như vậy số lượng sổ sách không quá lớn, mà việc theo dõi mua bán hàng hóa sẽ thuận tiện hơn, thỏa mãn tốt yêu cầu của công tác quản lý. Đảm bảo công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng tiện lợi và chính xác hơn.

Công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như sau:

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:
 - TK51111: Doanh thu bán tôn mạ màu: Trong đó:
 - + TK51111-3: Doanh thu bán tôn mạ màu dày 3 ly
 -
 - TK51112: Doanh thu bán thép hình: Trong đó:
 - + TK51112- U: Doanh thu bán thép hình chữ U

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+ TK51112 - I: Doanh thu bán thép chữ I

.....

- TK51114: Doanh thu bán thép cuộn.

+TK51114- : Doanh thu bán thép cuộn ..

+TK51114- : Doanh thu bán thép cuộn....

.....

- TK51118: Doanh thu bán các mặt hàng khác.

Ví dụ: Biểu số 3.1: Doanh thu bán thép hộp chữ U.

• Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

- TK63212: Giá vốn hàng bán tôn mạ màu

TK63212- 3.2L: Giá vốn hàng bán tôn mạ màu 3.2 ly

.....

- TK6321: Giá vốn hàng bán thép hình: Trong đó:

+ TK63211- U: Giá vốn hàng bán thép hình chữ U

+ TK63211-I: Giá vốn hàng bán thép hình chữ I

.....

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Biểu số 3.2 – Giá vốn thép hình hộp chữ I

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ
Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35- DN
 (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép hình I200
 Năm 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
									
24/02	HĐ46	24/02	Xuất bán thép hình I200 cho công ty Cổ phần Đông Nhan	112	3.120	15.300		49.113.000		
									
25/07	HĐ121	25/07	Xuất bán thép I200 cho công ty TNHH TM CK Trọng Minh	131	2.332	15.000		34.980.000		
									
21/11	HĐ138	21/11	Xuất bán thép hình I200 cho cty CP Tiến Đạt	131	2.666	14.800		39.456.800		
									
			Cộng số phát sinh				1.211.478.300	1.211.478.300		

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35- DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Thép hình I200

Năm 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
24/02	HĐ46	24/02	Xuất bán thép hình I200 cho công ty Cổ phần Đông Nhan	112	3.120	14.735	47.299.350	
							
25/07	HĐ121	25/07	Xuất bán thép I200 cho công ty TNHH TM CK Trọng Minh	131	2.332	14.700	34.280.400	
							
21/11	HĐ138	21/11	Xuất bán thép hình I200 cho công ty CP Tiến Đạt	131	2.666	13.970	37.244.020	
							
			Cộng số phát sinh				1.078.235.600 1.078.235.600	

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Kiến nghị 3: Về việc quản lý chi phí kinh doanh.**

Việc lập sổ chi tiết Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ giúp công ty tăng cường công tác quản lý chi phí theo từng khoản mục chi phí và giúp các nhà quản trị nắm bắt một cách chính xác tình hình chi phí bỏ ra trong doanh nghiệp. Từ đó có thể so sánh chi phí thời kỳ này với thời kỳ trước để đưa ra biện pháp khắc phục hợp lý, đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- ***Đối với chi phí bán hàng.***

Tài khoản sử dụng tài khoản 641.

Kế toán có thể mở chi tiết cho tài khoản 641 như sau:

- TK6411 - Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cán bộ công nhân viên bán hàng như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...
- TK6412 - Chi phí vật liệu bán hàng: phản ánh vật liệu xuất dùng phục vụ cho công tác bán hàng.
- TK6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho công tác bán hàng.
- TK6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng.
- TK6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác bán hàng: Tiền điện, nước...
- TK6418 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác phục vụ cho công tác bán hàng, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách..

- ***Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp.***

Tài khoản sử dụng tài khoản 642.

Kế toán có thể mở chi tiết cho tài khoản 642 như sau:

- TK6421 - Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cán bộ công nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- TK6422 - Chi phí vật liệu bán hàng: phản ánh vật liệu xuất dùng phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.
- TK6423 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ...
- TK6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- TK6425 – Thuế, phí, lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí dịch vụ, phí chuyên tiền, phí tàu xe...
- TK6426 - Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- TK6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp: Tiền điện, nước...
- TK6428 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách..

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S36- DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng tiền	6421	6422	6424	6425	...	6428
SH	NT									
	
PC185	10/12	Chi tiếp khách phục vụ QL	111	2.300.000						2.300.0000
PC186	10/12	Thanh toán tiền sửa chữa điện	111	178.000						178.000
	
KH12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	17.698.388			17.698.388			
BL12	31/12	Tính lương phải trả tháng 12	334	50.124.915	50.124.915					
BL12	31/12	Các khoản trích theo lương	338	11.027.479		11.027.479				
	
		Cộng		2.443.042.936	872.102.496	265.991.267	180.234.560	22.214.413	...	132.293.357

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- **Kiến nghị 4: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu cho khách hàng.**

- ❖ **Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.**

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền khách hàng được hưởng theo thỏa thuận do thanh toán trước hạn so với quy định của hợp đồng kinh tế nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán sớm.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng có chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp hiện tại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Sau khi xác định mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

Nợ TK635:

Có TK111,112,131....

- ❖ **Về áp dụng chiết khấu thương mại đối với khách hàng:**

Chiết khấu thương mại là số tiền bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng đã thỏa thuận dành cho khách hàng trong trường hợp khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề hạch toán chiết khấu thương mại, đơn vị sử dụng tài khoản 521- chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại được xây dựng dựa trên việc tham khảo các chính sách chiết khấu của doanh nghiệp cùng ngành đã có nhiều kinh nghiệm kết hợp phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp theo từng thời kỳ nhất định.

- **Quy trình hạch toán chiết khấu thương mại:**

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào tài khoản 521.

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521.

- **Phương pháp hạch toán**

+ Khi thực hiện thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK521:

Nợ TK3331:

Có TK131,111,112....:

+ Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại thực sự phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511:

Nợ TK511:

Có TK521:

- **Kiến nghị 5: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phân giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo thông tư **228/2009/TT- BTC** ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:

- Khoản nợ có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã , tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích , bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- Phương pháp kế toán dự phòng giảm thu khó đòi:

Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- + 30 % giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng tới dưới 1 năm.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

➤ Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó , thì doanh nghiệp không phải trích lập.

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phân chênh lệch.

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Chứng từ sử dụng: Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ và các chứng từ khác.

➤ Tài khoản sử dụng: TK139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

➤ Kết cấu tài khoản 139:

Bên nợ:

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

+ Xử lý các khoản phải thu khó đòi không thể đòi được.

Bên có:

Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên có: Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính toán mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK139: Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập:

+ *Cuối kỳ trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:*

Nợ TK139: Số tiền hoàn nhập

Có K642: Số tiền hoàn nhập

+ *Còn nếu lớn hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:*

Nợ TK642: Số tiền trích lập thêm

Có TK139: Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK139: (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK642: (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK131, 138

Đồng thời ghi nợ tài khoản 004- Nợ khó đòi đã xử lý.

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi lại được:

Nợ TK111, 112... Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK711 Số tiền thực tế đã thu hồi được

Đồng thời ghi có TK004 – Nợ khó đòi đã xử lý

➤ **Sổ kế toán:** Số cái TK139

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, theo cách tính toán ở trên thì số phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi cho năm tiếp theo là 114.725.034 đồng, số tiền nợ không đòi được là: 15.511.609 đồng.

Vậy kế toán công ty sẽ trích lập cho khoản nợ quá hạn là:

Nợ TK642: 61.322.408

Có TK139: 61.322.408

Còn đối với các khoản nợ không đòi được của các công ty như Công ty TNHH cung ứng vật tư Sông Long, công ty đã cử nhân viên đến nhiều lần nhưng không đòi được và hiện nay công ty TNHH cung ứng vật tư Sông Long đã bị phá sản nên tổng các khoản nợ không đòi được sẽ được kế toán thực hiện xóa sổ:

Nợ TK642: 15.511.609

Có TK131: 15.511.609

Nợ TK 004: 15.511.609

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỬU PHÚ

Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Tên đối tượng	Số tiền	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
1	Công ty thương mại Vĩnh lâm	22.010.897	3.050.643	18.960.254	-	-
2	Công ty cổ phần XD&CK Nam Hoàng	53.415.300			53.415.300	
3	Công ty TNHH cung ứng vật tư Sông Long	15.511.609				15.511.609
4	Công ty xuất nhập khẩu Đình Đô	197.383.945	67.584.327	111.275.918	18.523.700	
....
	Cộng	2.979.603.994	1.605.148.648	1.224.218.667	114.725.034	15.511.609

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ **Kiến nghị 6: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong tương lai.

Dự phòng được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ vào cuối kỳ kế toán năm khi lập BCTC. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa để xác định khoản dự phòng.

- **Cơ sở trích lập dự phòng dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**
Trong những năm gần đây, khủng hoảng kinh tế đang diễn ra cùng với đó là sự khó khăn trong việc phát triển một số ngành kinh tế đặc biệt là ngành xây dựng. Nhà đất đóng băng, xây dựng bị trì trệ kéo theo việc tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng cũng gặp phải nhiều khó khăn. Đứng trước tình trạng ấy chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú cần xây dựng cho mình trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đứng vững trong tình trạng ấy.

Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn, chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.
 - + Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.
 - + Bảng tổng hợp mức lập dự phòng
 - + Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

- Tài khoản sử dụng:

TK159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

*Nội dung và kết cấu của TK159:

Bên nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên có: khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- **Trình tự hạch toán:**

Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho, tính toán mức dự phòng cần lập lần đầu ghi:

Nợ TK632: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK159: Số tiền trích lập dự phòng.

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn phải được trích lập thêm:

Nợ TK632: Số tiền trích lập thêm

Có TK159: Số tiền trích lập thêm

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK159: Số tiền hoàn nhập

Có TK632: Số tiền hoàn nhập

- **Sổ kế toán:**

Sổ cái TK159, Sổ chi tiết TK159

Như vậy việc lập nên các khoản dự phòng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định, tăng độ chính xác tin cậy cho các thông tin kế toán đưa ra.

Kết luận

Việc kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng bán ra đồng thời giảm thiểu chi phí nhưng không làm giảm chất lượng hàng hóa dịch vụ. Đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh – là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp cao, sản phẩm của ngành ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của người tiêu dùng hơn.

Qua thời gian thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú và em xin chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú” cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Bằng bài khóa luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Tuy nhiên, do vấn đề này là tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức sâu rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Ths Nguyễn Văn Thụ, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cùng toàn thể các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

✓ Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn hướng tới sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Nhưng để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải luôn có sự cố gắng trong quá trình quản lý, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Do đó, việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề rất quan trọng, nó góp phần cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đó cũng là nhiệm vụ của công tác kế toán.

Sau thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH Thương mại Cửu Phú tại Hải Phòng, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em đã nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của hoạt động kinh doanh còn gặp phải một số khó khăn. Vấn đề đặt ra đối với Công ty lúc này là làm thế nào để theo dõi một cách chính xác nhất doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm giúp cho các nhà quản trị có những đánh giá khách quan về hoạt động kinh doanh của công ty. Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Vì vậy việc tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị là điều cần thiết.

Xuất phát từ thực tế đó, em đã chọn đề tài: “***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú***” làm đề tài khóa luận. Thông qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời sẽ rút ra được những tồn tại, vướng mắc, những hạn chế mà công ty còn gặp phải, từ đó nêu lên cách giải quyết.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa lý luận tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, vận dụng vào thực tiễn tại đơn vị từ đó phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần xác định chính xác kết quả kinh doanh tại đơn vị.

✓ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

Không gian: Tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

✓ Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán, phương pháp tổng hợp cân đối....
- Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia

✓ Kết quả nghiên cứu

Những đóng góp liên quan đến doanh nghiệp: Những giải pháp đưa ra trong bài khóa luận sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú. Ngoài ra còn là tài liệu tham khảo giúp cho các doanh nghiệp khác trên cơ sở đó vận dụng vào công tác kế toán tại đơn vị mình.

✓ Kết cấu của đề tài

Kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú.

Mặc dù được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ và các anh chị kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại Cửu Phú giúp em hoàn thiện đề tài của mình, song do khả năng còn hạn chế, kiến thức còn eo hẹp nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Đặng Thị Tâm